ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: 3927 /TB-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc duyệt quyết toán năm 2023 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Phước

Căn cứ Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (viết tắt là phí duy tu) các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 70/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ các Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2008 và Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 2475/BQL_KCN_HCM ngày 18/11/2008 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) về hướng dẫn thực hiện việc thu và sử dụng phí duy tu khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 3292/KH-BQL ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Ban Quản lý về việc kiểm tra quyết toán phí duy tu các khu chế xuất, khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-BQL ngày 11 tháng 11 năm 2024 về thành lập Đoàn kiểm tra quyết toán phí duy tu các khu chế xuất, khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 3365/TB-BQL ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc kiểm tra quyết toán phí duy tu các khu chế xuất, khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023;

Căn cứ Báo cáo và Báo cáo quyết toán phí duy tu năm 2023 Khu công nghiệp Hiệp Phước do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (Công ty HIPC) lập và được kiểm toán gửi Ban quản lý ngày 12 tháng 11 năm 2024,

Ban Quản lý thông báo kết quả quyết toán phí duy tu năm 2023 Khu công nghiệp Hiệp Phước của Công ty HIPC như sau:

1. Về số liệu thu và chi phí duy tu: (chi tiết thu và sử dụng phí duy tu theo Phụ lục 1 đính kèm)

Số phí duy tu tích lũy đầu kỳ: 40.996.018.409 đồng

Tổng số thu phí duy tu trong năm:	46.826.131.496 đồng
Tổng số chi phí duy tu trong năm:	37.694.592.252 đồng
Số chênh lệch giữa thu và chi phí duy tu:	9.131.539.244 đồng
Số phí duy tu tích lũy cuối năm:	50.127.557.653 đồng

2. Về chi phí duy tu các hạng mục công trình (chi tiết phân bổ phí duy tu theo hạng mục công trình theo Phụ lục 2 đính kèm).

3. Về các nội dung liên quan đến công tác quản lý phí duy tu:

3.1. Về sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở tài khoản số 118000087540 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam để theo dõi, quản lý phần tích lũy phí duy tu.
- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Đồng tiền hạch toán là đồng Việt Nam (VNĐ). Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của Công ty HIPC. Phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí, và theo từng hạng mục công trình theo quy định.
- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.
- Công ty đã lập Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện thu và sử dụng phí duy tu năm 2023 Khu công nghiệp Hiệp Phước (BCQT 2023) và BCQT 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện kiểm toán ngày 07 tháng 11 năm 2024.

3.2. Về phần thu phí duy tu:

- Số thu phí duy tu được xác định trên diện tích cho thuê lại đất.
- Tổng thu phí duy tu là 46.826.131.496 đồng, tăng 13% so với kế hoạch năm 2023. Trong đó thu phí duy tu là 43.977.570.918 đồng và thu khác (lãi ngân hàng) là 2.848.560.578 đồng.
- Số phí duy tu còn phải thu là 14.528.885.308 đồng.

3.3. Về phần chi phí duy tu:

- Tổng chi phí duy tu năm 2023 là 37.694.592.252 đồng, thấp hơn 34% so với kế hoạch. Trong đó, nhân công chiếm 47%, nguyên nhiên liệu chiếm 2%, dịch vụ mua ngoài chiếm 49%, chi phí bằng tiền khác chiếm 2%. Các hạng mục chi phí cụ thể như sau:

+ Chi phí nhân công là 15.874.337.021 đồng, giảm 8.730.000 đồng so với số liệu báo cáo của Công ty. Lý do là Đoàn kiểm tra loại chi phí đóng quỹ phòng chống thiên tai - không thuộc đối tượng sử dụng phí duy tu. Tổng chi phí nhân công giảm 595.662.979 đồng, tương đương giảm 4% so với kế hoạch. Nguyên nhân: trong năm 2023 Công ty có giảm nhân sự thực hiện công tác duy tu.

+ Chi phí nguyên vật liệu là 693.479.889 đồng, giảm 1.662.320.111 đồng tương đương giảm 71% so với kế hoạch. Nguyên nhân: trong năm 2023 Công ty giảm nhân sự thực hiện công tác duy tu dẫn đến giảm chi phí may đồng phục và chi phí phúc lợi (đi du lịch). Ngoài ra, Công ty xây dựng kế hoạch chưa sát với thực tế, dẫn đến chi phí nguyên vật liệu một số hạng mục theo kế hoạch cao hơn nhiều so với thực tế (chi may đồng phục cho đội duy tu, đội bảo vệ; chi mua xăng dầu).

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài 16.815.820.054 đồng, giảm 13.369.726.518 đồng tương đương giảm 44% so với kế hoạch do năm 2023. Nguyên nhân: các hạng mục cải tạo, sữa chữa đường giao thông phải đấu thầu nhưng quá trình đấu thầu có nhiều thủ tục phải thực hiện dẫn đến không kịp tiến độ duy tu; hạng mục chăm sóc cây xanh giảm là do theo kế hoạch thì dự kiến thuê dịch vụ bên ngoài, nhưng trong năm 2023 đã chuyển cho đội duy tu thực hiện nên chi phí giảm so với kế hoạch được duyệt (xem chi tiết các hạng mục duy tu đã duyệt năm 2023 nhưng chưa thực hiện chuyển sang năm 2024 tại phụ lục 1 đính kèm).

+ Chi phí bằng tiền khác là 721.743.737 đồng, giảm 183.822.660 đồng tương đương giảm 20% so với kế hoạch. Nguyên nhân: Công ty xây dựng kế hoạch chưa sát với thực tế, dẫn đến kế hoạch chi phí khác cao hơn thực tế.

- Chi chuyển cho Ban Quản lý từ nguồn thu phí duy tu: Trong năm 2023, Công ty đã chuyển 3.589.211.551 đồng (số phải chuyển của năm 2022). Số còn phải chuyển của năm 2023 là 4.397.757.092 đồng.

3.4. Về số phí duy tu tích lũy cuối kỳ:

Tính đến 31 tháng 12 năm 2023, số phí duy tu tích lũy cuối kỳ là 50.127.557.653 đồng. Số chênh lệch thu - chi của phí duy tu trong năm là 9.131.539.244 đồng.

4. Một số nội dung Công ty cần thực hiện:

- Sử dụng số liệu quyết toán phí duy tu năm 2023 để kết chuyển sang năm 2024 để bắt đầu áp dụng việc thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Phước theo Quyết định số 76/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố.

- Thực hiện công tác kiểm toán tổng hợp để quyết toán phí duy tu (giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2023) theo Thông tư số 70/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ các Quyết định số 42/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2008 và Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trước khi chuyển sang thực hiện theo Quyết định số 76/2024/QĐ-UBND. Thời gian trong Quý I năm 2025.

- Công ty cần rà soát tất cả các hạng mục công trình cần duy tu, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên các hạng mục hạ tầng cần phải duy tu, xây dựng lộ trình thời gian thực hiện phù hợp với nguồn thu phí duy tu. Đồng thời, nghiên cứu thực hiện các giải pháp phù hợp để tiết kiệm các khoản chi.

- Trong quá trình thực hiện, khi phát sinh các nhu cầu duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng đột xuất ngoài kế hoạch đã lập, hoặc có những thay đổi lớn trong việc thực hiện kế hoạch, Công ty có trách nhiệm lập kế hoạch điều chỉnh và thông báo đến Ban Quản lý để xem xét, chấp thuận, làm căn cứ thực hiện.

- Việc thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố từ năm 2024 được thực hiện theo Quyết định số 76/2024/QĐ-UBND và Công văn số 3291/BQL-GSQLDA ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Ban Quản lý về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung liên quan đến việc thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 76/2024/QĐ-UBND./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước;
- Lãnh đạo Ban (để b/c);
- Tổ Quản lý phí (sao gửi);
- Lưu: VT. P.GSQLDA. Như (11).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Trần Việt Hà

Phụ lục I

CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU THEO HẠNG MỤC CHI PHÍ – NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số 3927 /TB-BQL ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	**Phần thu**	**46.826.131.496**
	Phí duy tu	43.977.570.918
	Thu khác	2.848.560.578
II	**Phần chi**	**37.694.592.252**
	Chi duy tu tái tạo CSHT	34.105.380.701
	- Chi phí nhân công	*15.874.337.021*
	- Chi phí nguyên vật liệu	*693.479.889*
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*16.815.820.054*
	- Chi phí bằng tiền khác	*721.743.737*
	Chi chuyển Ban quản lý	3.589.211.551
III	**Số phí tích lũy cuối kỳ**	**50.127.557.653**
	Số phí tích lũy đầu kỳ	40.996.018.409
	Số chênh lệch thu - chi trong kỳ	9.131.539.244

Phụ lục II
CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU THEO HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH – NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số 3927/TB-BQL ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	Nguyên Vật liệu	Dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng	Tỷ lệ %
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông, cầu	-	-	11.455.084.155	-	11.455.084.155	33%
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp, Trạm cấp nước dự phòng	-	-	-	-	-	0%
3	Quản lý, bảo trì hệ thống cấp thoát nước	-	-	-	-	-	0%
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào	-	-	-	-	-	0%
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	-	-	1.489.683.563	-	1.489.683.563	4%
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ, kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường	-	-	-	-	-	0%
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải	-	-	-	-	-	0%
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	5.791.689.566	399.226.001	1.246.070.280	89.059.600	7.526.045.447	22%
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu	-	-	1.847.013.273	-	1.847.013.273	5%
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC	-	-	447.809.043	3.700.000	451.509.043	1%
11	Quản lý, điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	10.082.647.455	294.253.888	120.506.280	-	10.497.407.623	31%
12	Quản lý, điều hành và bảo trì các thiết bị trạm Y tế	-	-	-	-	-	0%
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác thải công nghiệp	-	-	-	-	-	0%
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác	-	-	209.653.460	-	209.653.460	1%
15	Chi phí khác	-	-	-	628.984.137	628.984.137	2%
	Tổng cộng	**15.874.337.021**	**693.479.889**	**16.815.820.054**	**721.743.737**	**34.105.380.701**	100%

Phụ lục III

Hạng mục duy tu thuộc chi phí mua ngoài đã được duyệt kế hoạch năm 2023 nhưng chưa thực hiện và chuyển sang thực hiện trong năm 2024.

Hạng mục	Số tiền
A. HỆ THỐNG GIAO THÔNG	**7.304.780.659**
Vá ổ gà mặt đường (BTN nguội)	50.208.780
Sơn vạch kẻ đường	332.460.341
Sữa chữa cống ngăn triều, hệ thống chống ngập trong KCN	364.000.000
Duy tu bảo trì bảo dưỡng hệ thống cầu trong KCN: Bù lún đầu cầu, sữa chữa hư hỏng mặt cầu, kiểm định ….(Cầu Cá Chốt, Cầu Dinh Ông, Cầu Rạch Rộp 1 và Cầu Mương Lớn 1)	419.448.129
Cải tạo sửa chữa phần đường bên phải đoạn đường số 1 theo hướng từ giao lộ đường số 6 ra đầu đường số 1.	1.162.894.226
Cải tạo sửa chữa đường số 14 (đoạn từ giao lộ đường số 9 đến giao lộ đường số 11)	4.975.769.183
B. HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG	**797.794.500**
Thay chấn lưu, bóng, phụ kiện đèn chiếu sáng Sodium hư hỏng, đèn led hư hỏng	200.000.000
Thay thế các RCBO cửa cột đèn chiếu sáng	50.000.000
Sửa chữa hệ thống cáp ngầm chiếu sáng hư hỏng	84.994.500
Thay thế đèn chiếu sáng các tuyến đường số (đèn Sodium thành đèn Led)	120.000.000
Thay thế cải tạo, sửa chữa tủ điện điều khiển chiếu sáng	88.000.000
Lắp đặt bổ sung trụ đèn chiếu sáng Đường số 11	144.000.000
Sữa chữa, cải tạo hệ thống đèn tín hiệu giao thông	110.800.000
C. HỆ THỐNG CÂY XANH	**2.950.449.565**
Chăm sóc cây xanh (Duy tu + Thuê ngoài)	1.434.590.330
Nước chăm sóc cây	310.812.809
Hệ thống tưới cây tự động	519.118.188
Cải tạo cây xanh dải phân cách giữa , lề đường, vỉa hè	312.077.910
Phát hoang phòng cháy, Cắt cỏ hành lang 6m, cắt cỏ cá tuyến đường trong KCN.	373.850.328
D. HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	**291.781.033**
Đội Bảo vệ PCCC	126.802.791
Công trình duy tu khác	164.978.242
E. CHI PHÍ LÊN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI DUY TU	375.093.870
F. CHI PHÍ LÊN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI BV PCCC	536.968.000
Tổng cộng	**12.256.867.627**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: 2164/TB-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc duyệt Quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2022

- Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (phí duy tu) các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Báo cáo tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2022 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là HIPC) lập,

- Căn cứ Biên bản ngày 24/5/2023 về việc kiểm tra Quyết toán năm 2022 phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước giữa Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) và HIPC,

Ban Quản lý thông báo kết quả duyệt Quyết toán phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2022 như sau:

1. Số liệu tổng hợp: (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

Số tích lũy đầu kỳ:	36.368.503.566 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	37.399.597.550 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	32.772.082.707 đồng
Số chênh lệch thu - chi trong kỳ:	4 627.514.843 đồng
Số phí tích lũy cuối kỳ:	40.996.018.409 đồng

2. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: (Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình theo Phụ lục 2 đính kèm).

3. Nhận xét và ý kiến của Ban Quản lý:

a) Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của HIPC

- Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí và theo từng hạng mục công trình Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2021 tại Trụ sở Công ty.

b) Về số liệu:

- Phần thu: Tổng phí duy tu đã thu năm 2022 là 37.399.597.550 đồng, giảm 13% so với số kế hoạch năm 2022 do trong năm công ty chưa thu hồi được nợ cũ. Trong tổng thu năm 2022, thu phí duy tu là 35.892.115.514 đồng và thu khác là 1.507.482.036 đồng (lãi ngân hàng).

- Phần chi: Chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng là 28.310.918.606 đồng, giảm 19.001.268.865 đồng tương đương 40% so với kế hoạch. Trong tổng số chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng, chi phí nhân công chiếm 56%, nguyên vật liệu chiếm 6%, dịch vụ mua ngoài chiếm 35%, chi phí khác chiếm 2%.

Chi chuyển Ban Quản lý trong năm 2022 là 4.461.164.101 đồng (Số của năm 2021). Số còn phải chuyển của năm 2022 là 3.589.211.551 đồng.

- Tính đến ngày 31/12/2022, số phí tích lũy là 40 996 018 409 đồng, trong đó:

+ Số phí tích lũy đầu kỳ là 36.368.503.566 đồng.

+ Chênh lệch thu - chi trong kỳ là 4.627.514.843 đồng.

c) Ý kiến của Ban Quản lý:

Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban Quản lý đề nghị HIPC thực hiện những công việc sau:

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các nhu cầu duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng đột xuất ngoài kế hoạch đã lập, hoặc có những thay đổi lớn trong việc thực hiện kế hoạch, công ty có trách nhiệm lập kế hoạch điều chỉnh và thông báo đến Ban Quản lý để xem xét, chấp thuận, làm căn cứ thực hiện. Thông báo cho Ban Quản lý để phối hợp nghiệm thu khi hoàn tất các hạng mục duy tu, sửa chữa lớn. Ban Quản lý sẽ xem xét không duyệt các nội dung chi ngoài kế hoạch và các nội dung duy tu, sửa chữa lớn khi không có sự tham gia nghiệm thu của Ban Quản lý.

- Đối với việc thực hiện nộp phí về Ban Quản lý, đề nghị Công ty cần thực hiện đúng thời gian theo thỏa thuận với Ban Quản lý./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước;
- Lãnh đạo Ban (để báo cáo);
- Tổ Quản lý phí (sao gửi);
- Lưu: VT, P.GSQLDA. Như (1).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Trần Việt Hà

Phụ lục I

CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU THEO YẾU TỐ CHI PHÍ – NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 2464/TB-BQL ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	**Phần thu**	**37.399.597.550**
	Phí duy tu	35.892.115.514
	Thu khác	1.507.482.036
II	**Phần chi**	**32.772.082.707**
	Chi duy tu tái tạo CSHT	28.310 918.606
	- Chi phí nhân công	*15 864.946.198*
	- Chi phí nguyên vật liệu	*1.758.709.737*
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*9.998.478.885*
	- Chi phí bằng tiền khác	*688.783.786*
	Chi chuyển Ban quản lý	*4.461.164.101*
III	**Số phí tích lũy cuối kỳ**	**40.996.018.409**
	Số phí tích lũy đầu kỳ	36.368.503.566
	Số chênh lệch thu - chi trong kỳ	4.627.514.843

Phụ lục II

BẢNG KÊ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU THEO HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH – NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 2464/TB-BQL ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	Nguyên Vật liệu	Dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng	Tỷ lệ %
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông, cầu	-	-	3.002.130.756	-	3.002.130.756	11%
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp, Trạm cấp nước dự phòng	-	-	-	-	-	0%
3	Quản lý, bảo trì hệ thống cấp thoát nước	-	-	-	-	-	0%
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào	-	-	-	-	-	0%
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	-	-	1.811.045.448		1.811.045.448	6%
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị chữa cụ, kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường	-	-	-	-	-	0%
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải	-	-	-		-	0%
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	5.226.960.122	1.008.407.326	962.802.634	47.072.102	7.245.242.184	26%
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu	-	-	3.658.090.440	-	3.658.090.440	13%
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC	-	-		-	-	0%
11	Quản lý, điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	10.637.986.076	750.302.411	564.409.607	339.985.243	12.292.683.337	43%
12	Quản lý, điều hành và bảo trì các thiết bị trạm Y tế	-	-	-	-	-	0%
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác thải công nghiệp	-	-	-	-	-	0%
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác	-	-		-	-	0%
15	Chi phí khác	-	-	-	301.726.441	301.726.441	1%
	Tổng cộng	**15.864.946.198**	**1.758.709.737**	**9.998.478.885**	**688.783.786**	**28.310.918.606**	100%

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **BAN QUẢN LÝ** **CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-BQL	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023*

THÔNG BÁO
Về việc duyệt Quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2022

- Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (phí duy tu) các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Báo cáo tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2022 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là HIPC) lập,

- Căn cứ Biên bản ngày 24/5/2023 về việc kiểm tra Quyết toán năm 2022 phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước giữa Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) và HIPC,

Ban Quản lý thông báo kết quả duyệt Quyết toán phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2022 như sau:

1. Số liệu tổng hợp: (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

Số tích lũy đầu kỳ:	36.368.503.566 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	37.399.597.550 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	32.772.082.707 đồng
Số chênh lệch thu - chi trong kỳ:	4.627.514.843 đồng
Số phí tích lũy cuối kỳ:	40.996 018.409 đồng

2. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: (Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình theo Phụ lục 2 đính kèm).

3. Nhận xét và ý kiến của Ban Quản lý:

a) Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của HIPC.

- Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2021 tại Trụ sở Công ty.

b) Về số liệu:

- Phần thu: Tổng phí duy tu đã thu năm 2022 là 37.399.597.550 đồng, giảm 13% so với số kế hoạch năm 2022 do trong năm công ty chưa thu hồi được nợ cũ. Trong tổng thu năm 2022, thu phí duy tu là 35.892.115.514 đồng và thu khác là 1.507.482.036 đồng (lãi ngân hàng).

- Phần chi: Chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng là 28.310.918.606 đồng, giảm 19.001.268 865 đồng tương đương 40% so với kế hoạch. Trong tổng số chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng, chi phí nhân công chiếm 56%, nguyên vật liệu chiếm 6%, dịch vụ mua ngoài chiếm 35%, chi phí khác chiếm 2%.

Chi chuyển Ban Quản lý trong năm 2022 là 4.461.164.101 đồng (Số của năm 2021). Số còn phải chuyển của năm 2022 là 3.589.211.551 đồng

- Tính đến ngày 31/12/2022, số phí tích lũy là 40.996.018.409 đồng, trong đó:

+ Số phí tích lũy đầu kỳ là 36.368.503.566 đồng.

+ Chênh lệch thu - chi trong kỳ là 4.627.514.843 đồng.

c) Ý kiến của Ban Quản lý:

Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban Quản lý đề nghị HIPC thực hiện những công việc sau:

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các nhu cầu duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng đột xuất ngoài kế hoạch đã lập, hoặc có những thay đổi lớn trong việc thực hiện kế hoạch, công ty có trách nhiệm lập kế hoạch điều chỉnh và thông báo đến Ban Quản lý để xem xét, chấp thuận, làm căn cứ thực hiện. Thông báo cho Ban Quản lý để phối hợp nghiệm thu khi hoàn tất các hạng mục duy tu, sửa chữa lớn. Ban Quản lý sẽ xem xét không duyệt các nội dung chi ngoài kế hoạch và các nội dung duy tu, sửa chữa lớn khi không có sự tham gia nghiệm thu của Ban Quản lý.

- Đối với việc thực hiện nộp phí về Ban Quản lý, đề nghị Công ty cần thực hiện đúng thời gian theo thỏa thuận với Ban Quản lý./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước;
- Lãnh đạo Ban (để báo cáo);
- Tổ Quản lý phí (sao gửi);
- Lưu VT, P GSQLDA, Như (11).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Đề nghị chuyển Anh Thành ký
12/3/23

Trần Việt Hà

Phụ lục I

CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU THEO YẾU TỐ CHI PHÍ NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQL ngày tháng năm 2023 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	**Phần thu**	**37.399.597.550**
	Phí duy tu	35.892.115.514
	Thu khác	1.507.482.036
II	**Phần chi**	**32.772.082.707**
	Chi duy tu tái tạo CSHT	28.310.918.606
	- Chi phí nhân công	*15.864.946.198*
	- Chi phí nguyên vật liệu	*1.758.769.737*
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*9.998.478.885*
	Chi phí bằng tiền khác	*688.783.786*
	Chi chuyển Ban quản lý	*4.461.164.101*
III	**Số phí tích lũy cuối kỳ**	**40.996.018.409**
	Số phí tích lũy đầu kỳ	36.368.503.566
	Số chênh lệch thu - chi trong kỳ	4.627.514.843

Phụ lục II
CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU THEO HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH – NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQL ngày tháng năm 2023 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	Nguyên Vật liệu	Dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng	Tỷ lệ %
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông, cầu	-	-	3.002.130.756	-	3.002.130.756	11%
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp. Trạm cấp nước dự phòng	-	-	-	-	-	0%
3	Quản lý, bảo trì hệ thống cấp thoát nước.	-	-	-	-	-	0%
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào	-	-	-	-	-	0%
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	-	-	1.811.045.448		1.811.045.448	6%
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ, kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường	-	-	-	-	-	0%
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải	-	-	-		-	0%
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	5.226.960.122	1.008.407.326	962.802.634	47.072.102	7.245.242.184	26%
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu	-	-	3.658.090.440	-	3.658.090.440	13%
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC	-	-		-	-	0%
11	Quản lý điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	10.637.986.076	250.302.411	564.409.607	119.985.243	12.292.683.337	43%
12	Quản lý điều hành và bảo trì các thiết bị trạm Y tế	-	-	-	-	-	0%
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác thải công nghiệp	-	-	-	-	-	0%
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác	-	-		-	-	0%
15	Chi phí khác	-	-	-	301.726.441	301.726.441	1%
	Tổng cộng	**15.864.946.198**	**1.758.709.737**	**9.998.478.885**	**588.783.786**	**28.310.918.606**	**100%**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

TỔ CÔNG TÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc kiểm tra Quyết toán năm 2022 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Ban Quản lý, Tổ công tác đã làm việc với Công ty Cổ phần khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là Công ty) về việc kiểm tra Quyết toán năm 2022 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là phí duy tu). Ngày 26 tháng 6 năm 2023, Tổ công tác đã báo cáo kết quả làm việc và xin ý kiến Tổ quản lý tình hình thu và sử dụng phí duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng các KCX-KCN Thành phố về quyết toán năm 2022 phí duy tu KCN Hiệp Phước. Tổ công tác kính trình Lãnh đạo Ban Quản lý kết quả như sau:

I. Tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2022:

1. Về số liệu kiểm tra:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục	Kế hoạch năm 2022 (KH)	Thực hiện năm 2022 (TT)	Chênh lệch (TT-KH)	Tỷ lệ (TH/KH)
I	**Phần thu**	**42.854.147.112**	**37.399.597.550**	**(5.454.549.562)**	**-13%**
	Phí duy tu	42.854.147.112	35.892.115.514	(6.962.031.598)	-16%
	Thu khác		1.507.482.036	1.507.482.036	
II	**Phần chi**	**55.726.019.771**	**32.772.082.707**	**(22.953.937.063)**	**-41%**
	Chi duy tu tái tạo CSHT	47.312.187.471	28.310.918.606	(19.001.268.865)	-40%
	- Chi phí nhân công	*15.657.006.000*	*15.864.946.198*	*207.946.198*	*1%*
	- Chi phí nguyên vật liệu	*2.214.427.092*	*1.758.709.737*	*(455.717.355)*	*-21%*
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*28.583.262.504*	*9.998.478.885*	*(18.584.783.619)*	*-65%*
	- Chi phí bằng tiền khác	*857.497.875*	*688.783.786*	*(168.714.089)*	*-20%*
	Chi chuyển Ban quản lý	*8.413.832.300*	*4.461.164.101*	*(3.952.668.199)*	*-47%*
III	**Số phí tích lũy cuối kỳ**	**23.496.630.907**	**40.996.018.409**		
	Số phí tích lũy đầu kỳ	36.368.503.566	36.368.503.566		
	Số chênh lệch thu - chi trong kỳ	(12.871.872.659)	4.627.514.843		

II. Nhận xét, đánh giá:

1. Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của Công ty.

- Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2020 tại Trụ sở Công ty.

2. Về phần thu:

Tổng phí duy tu đã thu năm 2022 là 37.399.597.550 đồng, giảm 13% so với số kế hoạch năm 2022 do trong năm công ty chưa thu hồi được nợ cũ. Trong tổng thu năm 2022, thu phí duy tu là 35.892.115.514 đồng và thu khác là 1 507 482 036 đồng (lãi ngân hàng)

3. Về phần chi:

Tổng chi năm 2022 là 32.772.082.707 đồng, giảm 41% so với kế hoạch, cụ thể:

- Chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng là 28.310.918.606 đồng, giảm 19.001.268.865 đồng tương đương 40% so với kế hoạch, trong đó:

+ Chi phí nhân công 15.864.946.198 đồng, tăng 1% so với kế hoạch.

+ Chi phí nguyên vật liệu 1.758.709.737 đồng, giảm 455.717.355 đồng tương đương giảm 21% so với kế hoạch do một số hạng mục đã duyệt năm 2022 chưa thực hiện.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài 9.998.478.885 đồng, giảm 18.584.783.619 đồng tương đương giảm 65% so với kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2022 Công ty chưa thực hiện các hạng mục được duyệt trong dự toán năm 2022, cụ thể tại phụ lục 1.

+ Chi phí khác 688.783.786 đồng, giảm 20% so với kế hoạch

- Chi chuyển Ban Quản lý trong năm 2022 là 4.461.164.101 đồng (Số của năm 2021). Số còn phải chuyển của năm 2022 là 3.589.211.551 đồng.

Trong tổng số chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng, chi phí nhân công chiếm 56%, nguyên vật liệu chiếm 6%, dịch vụ mua ngoài chiếm 35%, chi phí khác chiếm 2%.

4. Số phí tích lũy:

- Tính đến ngày 31/12/2022, Số phí tích lũy là 40.996 018 409 đồng, trong đó:

+ Số phí tích lũy đầu kỳ là 36.368.503.566 đồng.

+ Chênh lệch thu - chi trong kỳ là 4.627.514.843 đồng.

III. Ý kiến các đơn vị:

1. Ý kiến Công ty Cổ phần khu công nghiệp Hiệp Phước:

HIPC ghi nhận những ý kiến đóng góp của Tổ công tác

2. Ý kiến Tổ công tác:

Từ những nhận xét trên, Tổ công tác đề nghị lãnh đạo Ban Quản lý duyệt Thông báo Quyết toán phí duy tu năm 2022 KCN Hiệp Phước, đồng thời yêu cầu Công ty thực hiện những công việc sau:

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các nhu cầu duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng đột xuất ngoài kế hoạch đã lập, hoặc có những thay đổi lớn trong việc thực hiện kế hoạch, công ty có trách nhiệm lập kế hoạch điều chỉnh và thông báo đến Ban Quản lý để xem xét, chấp thuận, làm căn cứ thực hiện. Thông báo cho Ban Quản lý để phối hợp nghiệm thu khi hoàn tất các hạng mục duy tu, sửa chữa lớn. Ban Quản lý sẽ xem xét không duyệt các nội dung chi ngoài kế hoạch và các nội dung duy tu, sửa chữa lớn khi không có sự tham gia nghiệm thu của Ban Quản lý.

- Đối với việc thực hiện nộp phí về Ban Quản lý, đề nghị Công ty cần thực hiện đúng thời gian theo thỏa thuận với Ban Quản lý.

- Công ty có kế hoạch gửi tiết kiệm có kỳ hạn số dư tích lũy phí duy tu để tăng nguồn thu.

Trên đây là những nội dung mà Tổ công tác đã làm việc tại khu công nghiệp Hiệp Phước. Kính trình Lãnh đạo Ban Quản lý xem xét và có ý kiến chỉ đạo./.

TM. TỔ CÔNG TÁC	**NGƯỜI TRÌNH**
Huỳnh Phúc Nguyên Thịnh	**Nguyễn Thị Như**

Ý KIẾN LÃNH ĐẠO BAN

Trần Việt Hà

Mẫu THU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Khu công nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC
Cơ quan nhận: BQL các KCX & KCN TP.HCM

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
ĐẾN Số: 2891
Ngày: 20-06-2023
Chuyển: ...
Số và ký hiệu HS: ...

BẢNG THỰC HIỆN THU VÀ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU, TÁI TẠO CƠ SỞ HẠ TẦNG

Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện
A	**Kế hoạch thu phí duy tu, tái tạo (dự kiến số có khả năng thu được trong năm)**	**42.854.147.112**	**37.399.597.550**
01	Số phí thu được từ các khoản còn phải thu của năm trước	-	-
	- Phí duy tu tái tạo	-	-
	- Thu khác		
02	Kế hoạch thu trong năm	**42.854.147.112**	**37.399.597.550**
	- Phí duy tu tái tạo	42.854.147.112	35.892.115.514
	- Thu khác		1.507.482.036
03	Kế hoạch giảm phí duy tu cho nhà đầu tư KCN Hiệp Phước - GĐ 2	-	
	- Phí duy tu giảm trừ cho nhà đầu tư	-	
B	**Kế hoạch sử dụng phí duy tu, tái tạo CSHT**	**55.726.019.771**	**32.772.082.707**
I.	Số kế hoạch chuyển tới Ban quản lý trong năm nay	8.413.832.300	4.461.164.101
II	Kế hoạch sử dụng phí duy tu, tái tạo CSHT	47.312.187.471	28.310.918.606
a	*Sử dụng phí duy tu, tái tạo CSHT (chi tiết theo yếu tố chi phí):*	*47.312.187.471*	*28.310.918.606*
	1. Tiền lương, tiền công, tiền thưởng, tiền ăn và các khoản trợ cấp, phụ cấp	15.657.000.000	15.864.946.198
	2. Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, công cụ lao động, hàng hóa	7.214.477.092	1.758.709.737
	3. Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.583.262.504	9.998.478.885
	4. Chi phí nghiên cứu khoa học, công nghệ, sáng kiến cải tiến, y tế; đào tạo lao động		
	5. Chi trả lãi tiền vay		
	6. Chi phí khác	857.497.875	688.783.786
b	*Nội dung công việc duy tu, tái tạo CSHT (chi tiết theo hạng mục)*	47.312.187.471	28.310.918.606
	1. Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông, cầu	16.561.264.110	3.002.130.756
	2. Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp; trạm cấp nước dự phòng (nếu có)		
	3. Quản lý, bảo trì hệ thống thoát nước	-	
	4. Quản lý, duy tu bảo quản công trình tường rào		
	5. Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	2.487.115.770	1.811.045.448
	6. Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị dụng cụ kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường (nếu có)		
	7. Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải (không bán cáo nếu phí xử lý chất thải được thu riêng)		
	8. Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	6.616.117.960	7.245.242.184
	9. Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu	6.617.491.474	3.658.090.440
	10. Quản lý, điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	447.766.150	-
	11. Quản lý, điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	11.779.309.132	12.292.683.337
	12. Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị trạm y tế (nếu có)		
	13. Quản lý, bảo trì trạm xử lý rác công nghiệp (nếu có)		
	14. Quản lý và bảo trì thiết bị công trình hạ tầng khác (tùy vào thực tế từng KCX – KCN)	1.945.625.000	-
	15. Các khoản khác phục vụ cho mục đích duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác sử dụng cho mục đích phục vụ chung cho doanh nghiệp trong khu	857.497.875	301.726.441
C	**Số dư tích luỹ phí duy tu, tái tạo CSHT**	**23.496.630.907**	**40.996.018.409**
	Số phí tích luỹ đầu năm	36.368.503.566	36.368.503.566
	Số phí tích lũy tăng (giảm) trong năm	(12.871.872.659)	4.627.514.843

TP.HỒ CHÍ MINH, ngày 31 tháng 5 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Thành Tín	Lê Thị Thu Vân	Huỳnh Bảo Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU, TÁI TẠO CƠ SỞ HẠ TẦNG
THEO HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC NĂM 2022

Đơn vị tính: đồng

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự		Nguyên Vật liệu		Dịch vụ thuê ngoài		Chi phí khác		Tổng cộng	
		A		B		C		D			
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông cảnh		-		-	16.561.264.110	1.002.130.756		-	16.561.264.110	1.002.130.756
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp, Trạm cấp nước địa phương		-		-		-		-	-	-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống cấp thoát nước		-		-	-	-			-	-
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tương rác		-		-		-		-	-	-
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng		-		-	2.482.115.270	811.045.448		-	2.482.115.270	1.811.045.448
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dùng cụ, kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường		-		-		-		-	-	-
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải		-		-		-		-	-	-
8	Vệ sinh mặt đường, quét đường, công cấp thông rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	5.391.000.000	5.236.560.132	835.117.960	1.008.402.326	384.600.000	962.802.634	-	47.072.102	6.616.117.960	7.245.242.184
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh tuấn lộ		-		-	6.612.491.474	3.658.090.440		-	6.612.491.474	3.658.090.440
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đặt PCCC				-	447.766.150	-	-	-	447.766.150	-
11	Quản lý, điều hành đặt bảo vệ và bảo trì các thiết bị đặt bảo vệ	10.260.000.000	10.637.986.036	1.379.309.132	750.302.41	140.000.000	564.406.607		339.985.243	11.779.309.132	12.292.683.337
12	Quản lý, điều hành và bảo trì các thiết bị trạm Y tế		-	-	-		-	-	-	-	-
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác thải công nghiệp		-		-		-		-	-	-
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác		-		-	1.945.625.000	-		-	1.945.625.000	-
15	Chi phí khác		-		-		-	857.497.875	301.726.441	857.497.875	301.726.441
	Tổng cộng	15.652.000.000	15.864.946.198	2.214.427.092	1.758.205.232	28.583.262.984	9.998.438.885	857.497.875	[illegible]	47.313.187.471	28.316.988.696

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2023

Nguồn lập biểu

Nguyễn Thành Tín

Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Vân

Tổng Giám đốc

Huỳnh Bảo Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

Mẫu TH01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Khu công nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC
Cơ quan nhận: BQL các KCX & KCN TP HCM

BQL QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH
SỐ: 2215
ĐẾN Ngày: 17-05-2023
Chuyển:

BẢNG THỰC HIỆN THU VÀ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU, TÁI TẠO CƠ SỞ HẠ TẦNG
Năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch kỳ này	Thực hiện
A	**Kế hoạch thu phí duy tu, tái tạo (dự kiến số có khả năng thu được trong năm)**	**42.854.147.112**	**37.399.597.550**
01	Số phí thu được từ các khoản còn phải thu của năm trước	-	-
	- Phí duy tu tái tạo	-	-
	- Thu khác		
02	Kế hoạch thu trong năm	42.854.147.112	37.399.597.550
	- Phí duy tu tái tạo	42.854.147.112	35.892.115.514
	- Thu khác		1.507.482.036
03	Kế hoạch giảm phí duy tu cho nhà đầu tư KCN Hiệp Phước - GĐ 2	-	
	- Phí duy tu giảm trừ cho nhà đầu tư	-	
B	**Kế hoạch sử dụng phí duy tu, tái tạo CSHT**	**85.726.019.771**	**33.509.340.107**
I	Số kế hoạch chi, yêu cầu Ban quản lý trong năm nay	8.413.832.300	4.461.164.101
II	Kế hoạch sử dụng phí duy tu, tái tạo CSHT	47.312.187.471	29.048.176.006
a	*Sử dụng phí duy tu, tái tạo CSHT chi tiết theo yếu tố cấu thành*	*47.312.187.471*	*29.048.176.006*
	1. Tiền lương, tiền công, tiền phụ cấp lương, tiền ăn và các khoản trợ cấp, phụ cấp	15.657.000.000	16.744.488.885
	2. Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, công cụ lao động, hàng hóa	2.284.429.092	1.871.708.126
	3. Chi phí dịch vụ, mua ngoài	28.583.262.504	9.865.415.209
	4. Chi phí nghiên cứu khoa học, công nghệ, sáng kiến cải tiến, y tế, đào tạo lao động		
	5. Chi trả lãi tiền vay		
	6. Chi phí khác	857.497.875	662.563.786
b	*Nội dung công việc duy tu, tái tạo CSHT (chi tiết cho từng mục)*	*47.312.187.471*	*29.048.176.006*
	1. Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông, cầu	16.561.264.110	3.092.830.756
	2. Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp; trạm cấp nước dự phòng (nếu có)		
	3. Quản lý, bảo trì hệ thống thoát nước	-	
	4. Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào		
	5. Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	2.467.115.770	1.811.045.448
	6. Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị dụng cụ kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường (nếu có)		
	7. Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải (không bao gồm nội dung xử lý chất thải được thu riêng)		
	8. Vệ sinh môi trường, quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	6.686.117.960	7.488.207.184
	9. Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu	6.617.491.474	3.690.475.840
	10. Quản lý, điều hành team PCCC và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	447.766.150	-
	11. Quản lý, điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	11.779.809.132	12.754.456.337
	12. Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị trạm y tế (nếu có)		
	13. Quản lý, bảo trì trạm xử lý rác công nghiệp (nếu có)		
	14. Quản lý và bảo trì thiết bị công trình hạ tầng khác (tùy vào thực tế từng KCX – KCN)	1.945.625.400	-
	15. Các khoản khác phục vụ cho mục đích duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác sử dụng cho mục đích phục vụ chung cho doanh nghiệp trong khu	857.497.875	301.726.441
C	**Số dư tích lũy phí duy tu, tái tạo CSHT**	**23.496.630.907**	**40.258.761.029**
	Số phí còn lũy đầu năm	26.368.503.566	36.368.505.586
	(Số phí tích lũy tăng (giảm) trong năm	(12.871.872.659)	3.890.257.443

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Thành Tín	Lữ Thị Thu Vân	Huỳnh Bảo Đức

M.S.D.N: 0305046978 CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC H. NHÀ BÈ - T.P HỒ CHÍ MINH

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU, TÁI TẠO CƠ SỞ HẠ TẦNG TRÊN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hạng mục công trình	Nhân công		Nguyên vật liệu		Dịch vụ mua ngoài		Chi phí khác		Tổng cộng	
		A		B		C		D			
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông nội		-		-	16.561.264.180	3.002.130.756		-	16.561.264.180	3.002.130.756
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp. Trám vết nước dự phòng		-		-		-		-	-	-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống cấp thoát nước		-		-	-	-		-	-	-
4	Quản lý, duy tu hạ tầng đường cống thoát nước mưa		-		-		-		-	-	-
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng		-		-	2.487.135.270	1.813.045.418		-	2.487.135.270	1.813.045.418
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị phòng cháy, chữa cháy (PCCC)		-		-		-		-	-	-
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải		-		-		-		-	-	-
8	Vệ sinh môi trường, quét đường, rửa rác thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	5.357.000.000	5.468.848.805	835.117.960	1.008.427.226	264.000.000	910.151.940	-	20.853.805	6.615.117.960	7.408.301.156
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ, cảnh quan xanh		-		-	4.613.491.874	3.540.475.840		-	4.613.491.874	3.540.475.840
10	Quản lý, giặt hạn mức PCCC và bảo trì các thiết bị PCCC		-		-	441.765.150	-	-	-	441.765.150	-
11	Quản lý, điều hành đèn báo và bảo trì các thiết bị đèn báo	16.260.000.000	11.049.393.076	3.379.306.122	863.300.802	140.000.000	851.415.278	-	375.983.281	21.779.306.122	13.239.692.437
12	Quản lý, điều hành và vận hành trạm Y tế		-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Quản lý hầu tại trạm xử lý nước thải công nghiệp		-		-		-		-	-	-
a	Quản lý và bảo trì thiết bị hạ tầng công trình hạ tầng khác		-		-	1.949.625.000	-		-	1.949.625.000	-
C	Chi phí khác		-		-			347.492.825	108.726.441	347.492.825	108.726.441
	Tổng cộng	15.657.000.000	16.648.888.805	2.214.424.082	1.871.728.136	28.583.262.504	9.865.415.289	851.492.825	462.564.386	47.112.179.411	29.049.156.686

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Tâm

Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Vân

Tổng Giám đốc

Huỳnh Bạc Đức

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: **1C22TYY**

Số *(No.)* **3953**

Ngày *(Date)* 20 tháng *(month)* 06 năm *(year)* 2022

Đơn vị bán hàng *(Unit sales)* : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC**

Mã số thuế *(Tax code)* : **0305046979**

Địa chỉ *(Address)* : Khu B, Đường số 01, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Tel)* : 028.3780 0345 Fax: 028.37800341

Tài khoản *(A/C No.)* : **119000028186** Tại: Tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Sài Gòn

Email : hiepphuocco@hiepphuoc.com

Họ tên người mua hàng *(Name of buyer)* :

Tên đơn vị *(Name of company)* **CÔNG TY CỔ PHẦN KCN HIỆP PHƯỚC**

Mã số thuế *(Tax code)* **0305046979**

Địa chỉ *(Address)* **Khu B, Đường số 1, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Nhà Bè**

Hình thức thanh toán *(Payment term)* **TM/CK** Số tài khoản *(A/C No.)*

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước tưới cây tháng 01/2021	m3	7.321	11.400	83.459.400
2	Tiền nước tưới cây tháng 02/2021	m3	9.584	11.400	109.257.600
3	Tiền nước tưới cây tháng 03/2021	m3	11.057	11.400	126.049.800
4	Tiền nước tưới cây tháng 04/2021	m3	10.746	11.400	122.504.400
5	Tiền nước tưới cây tháng 05/2021	m3	7.890	11.400	89.946.000
6	Tiền nước tưới cây tháng 06/2021	m3	5.389	11.400	61.434.600
7	Tiền nước tưới cây tháng 07/2021	m3	4.249	11.400	48.436.600
8	Tiền nước tưới cây tháng 08/2021	m3	5.808	11.400	66.211.200
9	Tiền nước tưới cây tháng 09/2021	m3	4.705	11.400	53.637.000
10	Tiền nước tưới cây tháng 10/2021	m3	1.700	11.400	19.380.000

Mã của cơ quan thuế *(Tax authority code)*: **00208AE976DB5F4BB4BBB3701680A57045**

Trang tra cứu: http://0305046979hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: X6X3C7y90323669322840510

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty cổ phần đầu tư công nghệ và thương mại SOFTDREAMS, MST: 0105987432. https://easyinvoice.vn/

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C22TYY

Số *(No.)*: 3953

Ngày *(Date)* 20 tháng *(month)* 06 năm *(year)* 2022

Đơn vị bán hàng *(Unit sales)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax code)*: 0305046979

Địa chỉ *(Address)*: Khu B, Đường số 01, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Tel)*: 028 3750 0345 Fax: 028.37800341

Tài khoản *(A/C No.)*: 119000028186 Tại Tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Sài Gòn

Email: hiepphuocco@hiepphuoc.com

Họ tên người mua hàng *(Name of buyer)*:

Tên đơn vị *(Name of company)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KCN HIỆP PHƯỚC

Mã số thuế *(Tax code)*: 0305046979

Địa chỉ *(Address)*: Khu B, Đường số 1, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Nhà Bè

Hình thức thanh toán *(Payment form)*: TM/CK Số tài khoản *(A/C No.)*:

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
11	Tiền nước tưới cây tháng 11/2021	m3	2.838	11.400	32 353 200
12	Tiền nước tưới cây tháng 12/2021	m3	5.565	11.400	68 229 000
			Cộng tiền hàng *(Total amount)*:		820.900.800
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 5%			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:		44.045.040
			Phí bảo vệ môi trường *(Environmental protection fee)*:		0
			Tổng cộng tiền thanh toán *(Grand total)*:		924.945.840

Số tiền viết bằng chữ *(In words)*: Chín trăm hai mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi đồng

tiếp theo trang trước - trang 2/2

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Signature Valid

Ký bởi: Công ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Hiệp Phước

Ký ngày: 20-06-2022

Mã của cơ quan thuế *(Tax authority code)*:

00208AE976DB5F4BB48BB3701680A57045

Trang tra cứu: http://0305046979hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: X6X3C7y9C323869327840510

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **BAN QUẢN LÝ** **CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 1413/TB-BQL	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2023*

THÔNG BÁO

Về việc kiểm tra quyết toán năm 2022 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng

Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý) nhận được báo cáo quyết toán năm 2022 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước – Khu công nghiệp Hiệp Phước (Khu công nghiệp Hiệp Phước) lập. Để có cơ sở duyệt quyết toán năm 2022, Ban Quản lý cử Tổ công tác đến làm việc với Khu công nghiệp Hiệp Phước cụ thể như sau:

1. Thành phần Tổ công tác:

- Đại diện Phòng Quản lý Doanh nghiệp
- Đại diện Văn phòng Ban quản lý

2. Thời gian: 09 giờ 00, ngày 24/5/2023 (thứ Tư)

3. Địa điểm làm việc: Văn phòng Khu công nghiệp Hiệp Phước.

4. Nội dung: Kiểm tra quyết toán năm 2022 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Phước.

Để công việc được tiến hành thuận lợi và đạt kết quả tốt, Ban Quản lý đề nghị Công ty chuẩn bị nhân sự, chứng từ và sổ sách liên quan. Ban Quản lý rất mong sự hợp tác của Công ty./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần KCN Hiệp Phước;
- Lãnh đạo Ban;
- Các thành viên tổ công tác;
- Lưu VP, P.QLDN.Như (7)

TL.TRƯỞNG BAN
CHÁNH VĂN PHÒNG

Bùi Thị Nữ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2023

BIÊN BẢN
Về việc kiểm tra Quyết toán năm 2022 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước
Mã số thuế: 0305046979

- Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (phí duy tu) các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Báo cáo tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2022 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (HIPC) lập,

Tổ công tác thuộc Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý) tiến hành kiểm tra quyết toán năm 2022 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Phước như sau:

I. Thành phần tham dự:

1. Đại diện Ban Quản lý:

- Ông Huỳnh Phúc Nguyên Thịnh – Phó Phòng Quản lý doanh nghiệp – Tổ trưởng;
- Bà Nguyễn Thị Như – Chuyên viên – Thành viên
- Bà Đinh Khánh Linh – Kế toán trưởng – Thành viên;

2. Đại diện Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước:

- Ông Giang Ngọc Phương - Phó Tổng Giám đốc;
- Bà Lữ Thị Thu Vân - Kế toán trưởng
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hảo – Phó phòng Tài chính Kế toán
- Ông Nguyễn Thành Tín Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán

II. Tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2022:

1. Về số liệu kiểm tra:

Đơn vị tính: đồng

STT	Hạng mục	Kế hoạch năm 2022 (KH)	Thực hiện năm 2022 (TT)	Chênh lệch (TT-KH)	Tỷ lệ (TH/KH)
1	Phần thu	42.854.147.112	37.399.597.550	(5.454.549.562)	-13%
	Phí duy tu	42.854.147.112	35.892.115.514	(6.962.031.598)	-16%

STT	Hạng mục	Kế hoạch năm 2022 (KH)	Thực hiện năm 2022 (TT)	Chênh lệch (TT-KH)	Tỷ lệ (TH/KH)
	Thu khác		1.507.482.036	1.507.482.036	
II	**Phần chi**	**55.726.019.771**	**32.772.082.707**	**(22.953.937.063)**	**-41%**
	Chi duy tu tái tạo CSHT	47.312.187.471	28.310.918.606	(19.001.268.865)	-40%
	- Chi phí nhân công	*15.657.000.000*	*15.864.946.198*	*207.946.198*	*1%*
	- Chi phí nguyên vật liệu	*2.214.427.092*	*1.758.709.737*	*(455.717.355)*	*-21%*
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*26.583.262.504*	*9.998.478.865*	*(18.584.783.639)*	*-65%*
	- Chi phí bằng tiền khác	*857.497.875*	*688.783.786*	*(168.714.089)*	*-20%*
	Chi chuyển Ban quản lý	*8.413.832.300*	*4.461.164.101*	*(3.952.668.199)*	*-47%*
III	**Số phí tích lũy cuối kỳ**	**23.496.630.907**	**40.996.018.409**		
	Số phí tích lũy đầu kỳ	36.368.503.566	36.368.503.566		
	Số chênh lệch thu - chi trong kỳ	(12.871.872.659)	4.627.514.843		

2. Nhận xét, đánh giá:

a) Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của HIPC.

- Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2021 tại Trụ sở Công ty.

b) Về phần thu:

Tổng phí duy tu phải thu năm 2022 là 37.399.597.550 đồng, giảm 13% so với số kế hoạch năm 2022 do trong năm công ty chưa thu hồi được nợ cũ. Trong tổng thu năm 2022, thu phí duy tu là 35.892.115.514 đồng và thu khác là 1.507.482.036 đồng (lãi ngân hàng).

c) Về phần chi:

Tổng chi năm 2022 là 32.772.082.707 đồng, giảm 41% so với kế hoạch, cụ thể:

- Chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng là 28.310.918.606 đồng, giảm 19.001.268.865 đồng tương đương 40% so với kế hoạch, trong đó:

+ Chi phí nhân công 15.864.946.198 đồng, tăng 1% so với kế hoạch.

+ Chi phí nguyên vật liệu 1.758.709.737 đồng, giảm 455.717.355 đồng tương đương giảm 21% so với kế hoạch do một số hạng mục đã duyệt năm 2022 chưa thực hiện.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài 9.998.478.885 đồng, giảm 18.584.783.619 đồng tương đương giảm 65% so với kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2022 Công ty chưa thực hiện các hạng mục được duyệt trong dự toán năm 2022, cụ thể tại phụ lục 1.

– Chi phí khác 688.783.786 đồng, giảm 20% so với kế hoạch

- Chi chuyển Ban Quản lý trong năm 2022 là 4 461 164 101 đồng (Số của năm 2021). Số còn phải chuyển của năm 2022 là 3.589.211.551 đồng.

Trong tổng số chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng, chi phí nhân công chiếm 56%, nguyên vật liệu chiếm 6%, dịch vụ mua ngoài chiếm 35%, chi phí khác chiếm 2%.

d) Phần chênh lệch thu - chi:

- Tính đến ngày 31/12/2022, Số phí tích lũy là 40.996.018.409 đồng, trong đó:

– Số phí tích lũy đầu kỳ là 36.368.503.566 đồng.

– Chênh lệch thu - chi trong kỳ là 4.627.514 843 đồng.

3. Ý kiến của Tổ công tác :

Từ những nhận xét trên, Tổ công tác đề nghị lãnh đạo Ban Quản lý duyệt Thông báo Quyết toán phí duy tu năm 2022, đồng thời yêu cầu HIPC thực hiện những công việc sau:

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các nhu cầu duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng đột xuất ngoài kế hoạch đã lập, hoặc có những thay đổi lớn trong việc thực hiện kế hoạch, công ty có trách nhiệm lập kế hoạch điều chỉnh và thông báo đến Ban Quản lý để xem xét, chấp thuận, làm căn cứ thực hiện.

- Đối với việc thực hiện nộp phí về Ban Quản lý, đề nghị Công ty cần thực hiện đúng thời gian theo thỏa thuận với Ban Quản lý.

- Thông báo cho Ban Quản lý để phối hợp nghiệm thu khi hoàn tất các hạng mục duy tu, sửa chữa lớn.

III. Ý kiến của HIPC:

HIPC ghi nhận những ý kiến đóng góp của Tổ công tác.

Buổi làm việc về kiểm tra quyết toán năm 2022 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước kết thúc vào lúc 12 giờ, ngày 24/5/2022. Đại diện Ban Quản lý và HIPC đã đọc và thống nhất ký vào Biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản gốc có giá trị như nhau, 01 bản gửi HIPC, 01 bản lưu tại Ban Quản lý.

Đại diện Ban Quản lý **Đại diện Công ty Cổ phần KCN Hiệp Phước**

Huỳnh Phú Nguyên Thịnh

Giang Ngọc Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: 3873 /TB-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc duyệt Quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2021

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước

Mã số thuế: 0305046979

- Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (phí duy tu) các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Báo cáo tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2021 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là HIPC) lập,

Ban Quản lý thông báo kết quả duyệt Quyết toán phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2021 như sau:

1. Số liệu tổng hợp: (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

Số phí tích lũy đầu kỳ:	19.133.804.093 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	44.611.641.006 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	27.376.941.533 đồng
Chênh lệch thu - chi trong kỳ:	17.234.699.473 đồng
Số phí tích lũy cuối kỳ:	36.368.503.566 đồng

2. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: (Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình theo Phụ lục 2 đính kèm).

3. Nhận xét và ý kiến của Ban Quản lý:

a) Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của HIPC.

- Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2020 tại Trụ sở Công ty.

b) Về số liệu:

- Tổng phí duy tu phải thu năm 2021 là 44.611.641.006 đồng. Số nợ phí duy tu còn phải thu đến 31/12/2021 là 20.219.732.303 đồng.

- Phần chi: Chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng là 24.097.453.266 đồng, giảm 17.052.982.581 đồng tương đương 41,44% so với kế hoạch. Trong tổng số chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng, chi phí nhân công chiếm 65,3%, nguyên vật liệu chiếm 3,96%, dịch vụ mua ngoài chiếm 30,63%, chi phí khác chiếm 0,11%

Chi chuyển Ban Quản lý trong năm 2021 là 3.279.488.267 đồng. Số còn phải chuyển tính đến 31/12/2021 là 4.461.164.101 đồng (Số tiền này đã chuyển Ban Quản lý vào ngày 15/08/2022).

- Tính đến ngày 31/12/2021, Số phí tích lũy là 36.368.503.566 đồng

c) Ý kiến của Ban Quản lý:

Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban Quản lý đề nghị HIPC thực hiện những công việc sau:

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các nhu cầu duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng đột xuất ngoài kế hoạch đã lập, hoặc có những thay đổi lớn trong việc thực hiện kế hoạch, công ty có trách nhiệm lập kế hoạch điều chỉnh và thông báo đến Ban Quản lý để xem xét, chấp thuận, làm căn cứ thực hiện. Thông báo cho Ban Quản lý để phối hợp nghiệm thu khi hoàn tất các hạng mục duy tu, sửa chữa lớn. Ban Quản lý sẽ xem xét không duyệt các nội dung chi ngoài kế hoạch và các nội dung duy tu, sửa chữa lớn khi không có sự tham gia nghiệm thu của Ban Quản lý.

- Công ty có kế hoạch gửi tiết kiệm có kỳ hạn số dư tích lũy phí duy tu để tăng nguồn thu.

- Đối với việc thực hiện nộp phí về Ban Quản lý, đề nghị Công ty cần thực hiện đúng thời gian theo thỏa thuận với Ban Quản lý./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Thành viên Tổ Thu phí (sao gửi);
- Lưu: VT. P.QLDN. Thanh (10).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Trần Việt Hà

Phụ lục 1

CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU THEO YẾU TỐ CHI PHÍ – NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 3873/TB-BQL ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Thông báo duyệt quyết toán năm 2021
I	**Tổng thu**	**44.611.641.006**
	Thu phí duy tu, tái tạo CSHT	44.611.641.006
	Thu khác	0
II	**Tổng chi**	**27.376.941.533**
1	Chi duy tu, tái tạo CSHT	24.097.453.266
	- Chi phí nhân công	15.734.964.119
	- Chi phí nguyên vật liệu	954.620.503
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.380.476.463
	- Chi phí bằng tiền khác	27.392.181
2	Chi chuyển Ban quản lý	3.279.488.267
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**36.368.503.566**
	Số dư đầu kỳ	19.133.804.093
	Chênh lệch thu - chi trong kỳ	17.234.699.473

Phụ lục 2

CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU THEO HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH – NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 3873/TB-BQL ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	Nguyên Vật liệu	Dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng	Tỷ lệ %
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông, cầu	-	171.678.611	3.542.706.689	-	**3.714.385.300**	15,41%
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp, Trạm cấp nước dự phòng	-	-	-	-	-	-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống cấp thoát nước	-	-	-	-	-	-
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào	-	-	-	-	-	-
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	-	-	1.754.319.529	-	**1.754.319.529**	7,28%
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ, kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường	-	-	-	-	-	-
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải	-	-	-	-	-	-
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	5.281.711.495	503.404.895	13.794.546	-	**5.798.910.936**	24,06%
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu	-	-	1.978.454.794	-	**1.978.454.794**	8,21%
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC	-	-	22.464.496	-	**22.464.496**	0,09%
11	Quản lý, điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	10.453.252.624	279.536.997	68.736.409	27.392.181	**10.828.918.211**	44,94%
12	Quản lý, điều hành và bảo trì các thiết bị trạm Y tế	-	-	-	-	-	-
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác thải công nghiệp	-	-	-	-	-	-
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác	-	-	-	-	-	-
15	Chi phí khác	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	**15.734.964.119**	**954.620.503**	**7.380.476.463**	**27.392.181**	**24.097.453.266**	**100%**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

TỔ CÔNG TÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 12 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc kiểm tra Quyết toán năm 2021 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Ban Quản lý, Tổ công tác đã làm việc với Công ty Cổ phần khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là Công ty) Về việc kiểm tra Quyết toán năm 2021 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là phí duy tu), Tổ công tác kính trình Lãnh đạo Ban Quản lý về kết quả làm việc như sau:

I. Tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2021:

1. Về số liệu kiểm tra:

Đơn vị tính: đồng

STT	Hạng mục	Kế hoạch năm 2021 (KH)	Thực hiện năm 2021 (TT)	Chênh lệch (TT-KH)	Tỷ lệ (TH/KH)
I	**Phần thu**	**38.732.835.573**	**44.611.641.006**	**5.878.805.433**	**15,18%**
	Phí duy tu	38.732.835.573	44.611.641.006	5.878.805.433	15,18%
	Thu khác				
II	**Phần chi**	**44.429.924.114**	**27.376.941.533**	**-17.052.982.581**	**-38,38%**
	Chi duy tu tái tạo CSHT	41.150.435.847	24.097.453.266	-17.052.982.581	-41,44%
	- Chi phí nhân công	16.088.000.000	15.734.964.119	-353.035.881	-2,19%
	- Chi phí nguyên vật liệu	2.214.427.092	954.620.503	-1.259.806.589	-56,89%
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.182.532.772	7.380.476.463	-14.802.056.309	-66,73%
	- Chi phí bằng tiền khác	665.475.983	27.392.181	-638.083.802	-95,88%
	Chi chuyển Ban quản lý	3.279.488.267	3.279.488.267	0	0,00%
III	**Số phí tích lũy cuối kỳ**	**13.436.715.552**	**36.368.503.566**	**22.931.788.014**	**171%**
	Số phí tích lũy đầu kỳ	19.133.804.093	19.133.804.093		
	Số chênh lệch thu - chi trong kỳ	-5.697.088.541	17.234.699.473		

2. Nhận xét, đánh giá:

a) Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của HIPC.

- Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2020 tại Trụ sở Công ty.

b) Về phần thu:

Tổng phí duy tu phải thu năm 2021 là 44.611.641.006 đồng, tăng 15,18% so với số kế hoạch năm 2021 do trong năm công ty có tăng cường thu hồi nợ các công ty nợ từ năm 2018 (199.715.007 đồng), năm 2019 (143.869.808 đồng) và 2020 (5.844.954.170 đồng). Số còn phải thu đến 31/12/2021 là 20.219.732.303 đồng, Trong đó Số còn phải thu của năm 2018: 10.668.734.706 đồng (chủ yếu là Công ty CP Hùng Vương: 10.070.480.148 đồng), năm 2019: 2.431.954.382 đồng, năm 2020: 2.426.162.655 đồng năm 2021: 2.662.898.644 đồng).

- Thu khác: Công ty chưa ghi nhận thu từ lãi ngân hàng cho số dư tích lũy phí

c) Về phần chi:

Tổng chi năm 2021 là 27.376.941.533 đồng, giảm 38,38% so với kế hoạch, cụ thể:

- Chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng là 24.097.453.266 đồng, giảm 17.052.982.581 đồng tương đương 41,44% so với kế hoạch, trong đó:

+ Chi phí nhân công 15.734.964.119 đồng giảm 2,19% so với kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do hoạt động kinh doanh của Công ty không đạt hiệu quả nên mức chi thưởng trong năm giảm.

+ Chi phí nguyên vật liệu 954.620.503 đồng, giảm 1.259.806.589 đồng tương đương giảm 56,89% so với kế hoạch do Công ty ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19 các khoản chi cho Văn phòng phẩm, mua sắm công cụ, dụng cụ bảo trì, sữa chữa, thay thế trang thiết bị, san nạp hóa chất chữa cháy theo xe; Bảo trì sữa chữa máy bơm, ….. không thực hiện.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài 7.380.476.463 đồng, giảm 14.802.056.309 đồng tương đương giảm 66,73% so với kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2021 Công ty chưa thực hiện các hạng mục được duyệt trong dự toán năm 2021, cụ thể tại phụ lục 1

+ Chi phí khác 27.392.181 đồng, giảm 95,88% so với kế hoạch. Chi phí khác chủ yếu là chi phí sửa chữa camera tại các tuyến đường.

- Chi chuyển Ban Quản lý trong năm 2021 là 3.279.488.267 đồng. Số còn phải chuyển tính đến 31/12/2021 là 4.461.164.101 đồng (Số tiền này đã chuyển Ban Quản lý vào ngày 15/08/2022).

Trong tổng số chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng, chi phí nhân công chiếm 65,3%, nguyên vật liệu chiếm 3,96%, dịch vụ mua ngoài chiếm 30,63%, chi phí khác chiếm 0,11%.

d) Số phí tích lũy:

- Tính đến ngày 31/12/2021, Số phí tích lũy là 36.368.503.566 đồng, trong đó:

+ Số phí tích lũy đầu kỳ là 19.133.804.093 đồng.

+ Chênh lệch thu - chi trong kỳ là 17.234.699.473 đồng.

3. Ý kiến của Tổ công tác :

Từ những nhận xét trên, Tổ công tác đề nghị lãnh đạo Ban Quản lý duyệt Thông báo Quyết toán phí duy tu năm 2021, đồng thời yêu cầu HIPC thực hiện những công việc sau:

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các nhu cầu duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng đột xuất ngoài kế hoạch đã lập, hoặc có những thay đổi lớn trong việc thực hiện kế hoạch, công ty có trách nhiệm lập kế hoạch điều chỉnh và thông báo đến Ban Quản lý để xem xét, chấp thuận, làm căn cứ thực hiện. Thông báo cho Ban Quản lý để phối hợp nghiệm thu khi hoàn tất các hạng mục duy tu, sửa chữa lớn. Ban Quản lý sẽ xem xét không duyệt các nội dung chi ngoài kế hoạch và các nội dung duy tu, sữa chữa lớn khi không có sự tham gia nghiệm thu của Ban Quản lý.

- Đối với việc thực hiện nộp phí về Ban Quản lý, đề nghị Công ty cần thực hiện đúng thời gian theo thỏa thuận với Ban Quản lý.

- Công ty có kế hoạch gửi tiết kiệm có kỳ hạn số dư tích lũy phí duy tu để tăng nguồn thu.

Trên đây là những nội dung mà Tổ công tác đã làm việc tại khu công nghiệp Hiệp Phước. Kính trình lãnh đạo Ban Quản lý xem xét và có ý kiến chỉ đạo.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG **QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**	**NGƯỜI TRÌNH**
Huỳnh Phúc Nguyên Thịnh	**Trần Thiện Thanh**

Ý KIẾN LÃNH ĐẠO BAN QUẢN LÝ

Phụ lục 1: Hạng mục đã được duyệt kế hoạch năm 2021 nhưng chưa thực hiện và chuyển sang thực hiện trong năm 2022.

Hạng mục	Số tiền (đồng)
Sửa chữa, thay mới bó vỉa	110.554.929
Lưới chắn rác	90.123.267
Biển báo giao thông	62.916.198
Nạo vét lòng cống và máng, hố ga (Xử lý bùn chất thải) hệ thống thoát nước mưa	449.410.673
Bù lún đầu cầu (Cầu Cá Chốt, Cầu Rạch Rộp 1 và Cầu Dinh Ông)	236.505.000
Bù lún hai đầu cầu Mương lớn 1	2.329.800.000
Sửa chữa 1 bên đường số 1 đoạn từ giao lộ đường số 6 (GĐ1) đến Công ty XM Thăng Long	2.908.993.460
Sửa chữa 1 bên đường số 1 đoạn từ Công ty Thăng Long đến 2,2km (GĐ2)	3.244.910.173
Thay chấn lưu và bóng đồng bộ bằng máy, phụ kiện đèn chiếu sáng hư hỏng.	120.000.000
Lắp đặt bổ sung trụ đèn chiếu sáng Đường số 11	100.000.000
Sửa chữa hệ thống cáp ngầm chiếu sáng hư hỏng	100.000.000
Thay thế đèn chiếu sáng đường số 1 Khu B (46 bộ)	138.000.000
Thay thế cải tạo, sửa chữa tủ điện điều khiển chiếu sáng	500.000.000
Hệ thống tưới cây tự động	86.625.000
Cải tạo cây xanh dải phân cách giữa , lề đường, vỉa hè	180.000.000
Trụ thông tin hướng dẫn giao thông	2.554.125.000
Giá long môn Đường số 1	180.000.000
Lắp đặt mới Gía long môn Đường số 6	120.000.000
Lắp đặt, vận hành camera AI (camera thông minh)	300.000.000

Mẫu TH01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Khu công nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC
Cơ quan nhận: BQL các KCX & KCN TP.HCM

BQL Các KCX & KCN TP.HCM
ĐẾN Số: 2111
Ngày: 16-06-2022

BẢNG THỰC HIỆN THU VÀ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU, TÁI TẠO CƠ SỞ HẠ TẦNG
Năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện
A	**Kế hoạch thu phí duy tu, tái tạo (dự kiến số có khả năng thu được trong năm)**	**38.732.835.573**	**44.611.641.006**
01	Số phí thu được từ các khoản còn phải thu của năm trước	-	**6.188.538.985**
	- Phí duy tu tái tạo	-	6.188.538.985
	- Thu khác		
02	Kế hoạch thu trong năm	**38.732.835.573**	**38.423.102.021**
	- Phí duy tu tái tạo	38.732.835.573	38.423.102.021
	- Thu khác		
03	Kế hoạch giảm phí duy tu cho nhà đầu tư KCN Hiệp Phước - GĐ 2	-	
	- Phí duy tu giảm trừ cho nhà đầu tư	-	
B	**Kế hoạch sử dụng phí duy tu, tái tạo CSHT**	**44.429.924.113**	**27.376.941.533**
I.	Số kế hoạch chuyển tới Ban quản lý trong năm nay	3.279.488.267	3.279.488.267
II	Kế hoạch sử dụng phí duy tu, tái tạo CSHT	41.150.435.847	24.097.453.266
a	*Sử dụng phí duy tu, tái tạo CSHT (chi tiết theo yếu tố chi phí):*	*41.150.435.847*	*24.097.453.266*
	1. Tiền lương, tiền công, tiền thưởng; tiền ăn và các khoản trợ cấp, phụ cấp	16.088.000.000	15.734.964.119
	2. Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, công cụ lao động, hàng hóa	2.214.427.092	954.620.503
	3. Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.182.532.771	7.380.476.463
	4. Chi phí nghiên cứu khoa học, công nghệ, sáng kiến cải tiến, y tế; đào tạo lao động		
	5. Chi trả lãi tiền vay		
	6. Chi phí khác	665.475.983	27.392.181
b	*Nội dung công việc duy tu, tái tạo CSHT (chi tiết theo hạng mục)*	*41.150.435.847*	*24.097.453.266*
	1. Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông, cầu	11.702.729.074	3.714.385.300
	2. Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp; trạm cấp nước dự phòng (nếu có)		
	3. Quản lý, bảo trì hệ thống thoát nước	-	
	4. Quản lý, duy tu bảo quản công trình tường rào		
	5. Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	2.517.115.770	1.754.319.529
	6. Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị dụng cụ kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường (nếu có)		
	7. Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải (không báo cáo nếu phí xử lý chất thải được thu riêng)		
	8. Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	6.657.079.040	5.798.910.936
	9. Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu	5.498.780.348	1.978.454.794
	10. Quản lý, điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	270.696.500	22.464.496
	11. Quản lý, điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	12.035.809.132	10.828.918.211
	12. Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị trạm y tế (nếu có)		
	13. Quản lý, bảo trì trạm xử lý rác công nghiệp (nếu có)		
	14. Quản lý và bảo trì thiết bị công trình hạ tầng khác (tùy vào thực tế từng KCX – KCN)	1.802.750.000	
	15. Các khoản khác phục vụ cho mục đích duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác sử dụng cho mục đích phục vụ chung cho doanh nghiệp trong khu	665.475.983	-
C	**Số dư tích luỹ phí duy tu, tái tạo CSHT**	**12.576.310.381**	**36.368.503.566**
	Số phí tích luỹ đầu năm	**18.273.398.922**	**19.133.804.093**
	Số phí tích lũy tăng (giảm) trong năm	**(5.697.088.541)**	**17.234.699.473**

ngày 15 tháng 6 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Thành Tín	Lê Thị Thu Vân	Võ Đình Thi

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU, TÁI TẠO CƠ SỞ HẠ TẦNG
THEO HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC NĂM 2021

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự		Nguyên Vật liệu		Dịch vụ mua ngoài		Chi phí khác		Tổng cộng	
		A		B		C		D			
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông, cầu		-		171.678.611	11.702.729.074	3.542.706.689		-	11.702.729.074	3.714.385.300
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp, Trạm cấp nước dự phòng		-		-		-		-	-	-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống cấp thoát nước		-		-	-	-		-	-	-
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào		-		-		-		-	-	-
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng		-		-	2.517.115.770	1.754.319.529		-	2.517.115.770	1.754.319.529
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ, kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường		-		-		-		-	-	-
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải		-		-		-		-	-	-
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	5.528.000.000	5.281.711.495	835.117.960	503.404.895	293.961.080	13.794.546	-	-	6.657.079.040	5.798.910.936
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu		-		-	5.498.780.348	1.978.454.794		-	5.498.780.348	1.978.454.794
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC		-		-	270.696.500	22.464.496	-	-	270.696.500	22.464.496
11	Quản lý, điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	10.560.000.000	10.453.252.624	1.379.309.132	279.536.997	96.500.000	68.736.409	-	27.392.181	12.035.809.132	10.828.918.211
12	Quản lý, điều hành và bảo trì các thiết bị trạm Y tế		-	-	-		-	-	-	-	-
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác thải công nghiệp		-		-		-		-	-	-
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác		-		-	1.802.750.000	-		-	1.802.750.000	-
15	Chi phí khác		-		-		-	665.475.983	-	665.475.983	-
	Tổng cộng	**16.088.000.000**	**15.734.964.119**	**2.214.427.092**	**954.620.503**	**22.182.532.771**	**7.380.476.463**	**665.475.983**	**27.392.181**	**41.150.435.847**	**24.097.453.266**

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thành Tín	Lữ Thị Thu Vân	Vũ Đình Thi

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: 4211 /TB-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2021

THÔNG BÁO
Về việc duyệt Quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2020

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước

Mã số thuế: 0305046979

- Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (phí duy tu) các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Báo cáo tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2020 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là HIPC) lập;

- Căn cứ Biên bản ngày 19/11/2021 về việc kiểm tra Quyết toán năm 2020 phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước giữa Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) và HIPC,

Ban Quản lý thông báo kết quả duyệt Quyết toán phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2020 như sau:

1. Số liệu tổng hợp: (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

Số dư năm trước chuyển sang:	11.805.446.454 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	36.509.879.179 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	29.181.521.540 đồng
Chênh lệch thu - chi trong kỳ:	7.328.357.639 đồng
Chênh lệch thu - chi lũy kế cuối kỳ:	19.133.804.093 đồng

2. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: (Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình theo Phụ lục 2 đính kèm).

3. Nhận xét và ý kiến của Ban Quản lý:

a) Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của HIPC.

- Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2019 tại Trụ sở Công ty.

b) Về số liệu:

- Tổng phí duy tu phải thu năm 2020 là 36.509.879.179 đồng, bao gồm thu phí duy tu 36.438.758.419 đồng và thu khác 71.120.760 đồng. Số nợ phí duy tu còn phải thu đến 31/12/2020 là 9.814.858.200 đồng.

- Phần chi: Chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng là 25.050.297.303 đồng, giảm 13.244.938.295 đồng tương đương 35% so với kế hoạch. Trong tổng số chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng, chi phí nhân công chiếm 59,6%, nguyên vật liệu chiếm 4,2%, dịch vụ mua ngoài chiếm 36%, chi phí khác chiếm 0,3%

Chi chuyển Ban Quản lý trong năm 2020 là 4.131.224.237 đồng (số nợ của năm 2019). Số còn phải chuyển tính đến 31/12/2020 là 3.279.488.267 đồng (Số tiền này đã chuyển Ban Quản lý vào ngày 22/4/2021).

- Tính đến ngày 31/12/2020, chênh lệch thu - chi là 19.133.804.093 đồng, trong đó:

+ Chênh lệch thu - chi đầu kỳ là 11.805.446.454 đồng.

+ Chênh lệch thu - chi trong kỳ là 7.328.357.639 đồng.

c) Ý kiến của Ban Quản lý:

Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban Quản lý đề nghị HIPC thực hiện những công việc sau:

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các nhu cầu duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng đột xuất ngoài kế hoạch đã lập, hoặc có những thay đổi lớn trong việc thực hiện kế hoạch, công ty có trách nhiệm lập kế hoạch điều chỉnh và thông báo đến Ban Quản lý để xem xét, chấp thuận, làm căn cứ thực hiện. Thông báo cho Ban Quản lý để phối hợp nghiệm thu khi hoàn tất các hạng mục duy tu, sửa chữa lớn. Ban Quản lý sẽ xem xét không duyệt các nội dung chi ngoài kế hoạch và các nội dung duy tu, sửa chữa lớn khi không có sự tham gia nghiệm thu của Ban Quản lý.

- Đối với việc thực hiện nộp phí về Ban Quản lý, đề nghị Công ty cần thực hiện đúng thời gian theo thỏa thuận với Ban Quản lý./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Thành viên Tổ Thu phí (sao gửi);
- Lưu: VT. P.QLDN. Thanh (10).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Võ Minh Thư

Phụ lục 1
CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU THEO YẾU TỐ CHI PHÍ – NĂM 2020

(Kèm theo Văn bản số 4211/TB-BQL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Thông báo duyệt quyết toán năm 2020
I	**Tổng thu**	**36.509.879.179**
	Thu phí duy tu, tái tạo CSHT	36.438.758.419
	Thu khác	71.120.760
II	**Tổng chi**	**29.181.521.540**
1	Chi duy tu, tái tạo CSHT	**25.050.297.303**
	- Chi phí nhân công	*14.923.136.850*
	- Chi phí nguyên vật liệu	*1.047.411.709*
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*9.009.952.281*
	- Chi phí bằng tiền khác	*69.796.463*
2	Chi chuyển Ban quản lý	**4.131.224.237**
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**19.133.804.093**
	Số dư đầu kỳ	11.805.446.454
	Chênh lệch thu - chi trong kỳ	7.328.357.639

Phụ lục 2
CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU THEO HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH – NĂM 2020

(Kèm theo Văn bản số 4211/TB-BQL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	Nguyên Vật liệu	Dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng	Tỷ lệ %
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông, cầu		**4.950.400**	1.534.922.717		**1.539.873.117**	6,15%
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp, Trạm cấp nước dự phòng						0,00%
3	Quản lý, bảo trì hệ thống cấp thoát nước						0,00%
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào						0,00%
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng			1.719.725.536		**1.719.725.536**	6,87%
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ, kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường						0,00%
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải						0,00%
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	4.883.215.289	427.550.790	132.986.816	27.679.160	**5.471.432.055**	21,84%
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu			4.699.521.986		**4.699.521.986**	18,76%
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC			526.870.000		**526.870.000**	2,10%
11	Quản lý, điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	10.039.921.561	614.910.519	373.925.226	36.369.150	**11.065.126.456**	44,17%
12	Quản lý, điều hành và bảo trì các thiết bị trạm Y tế						0,00%
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác thải công nghiệp						0,00%
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác						0,00%
15	Chi phí khác			22.000.000	5.748.153	**27.748.153**	0,11%
	Tổng cộng	**14.923.136.850**	**1.047.411.709**	**9.009.952.281**	**69.796.463**	**25.050.297.303**	**100%**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

TỔ CÔNG TÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc kiểm tra Quyết toán năm 2020 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Ban Quản lý, Tổ công tác đã làm việc với Công ty Cổ phần khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là Công ty) Về việc kiểm tra Quyết toán năm 2020 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là phí duy tu), Tổ công tác kính trình Lãnh đạo Ban Quản lý về kết quả làm việc như sau:

I. Tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2020:

1. Về số liệu kiểm tra:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục	Thực hiện năm 2020 theo DN báo cáo (BC)	Thực hiện năm 2020 theo kiểm tra (KT)	Chênh lệch (KT-BC)
I	**Phần thu**	**36.509.879.179**	**36.509.879.179**	-
	Phí duy tu,tái tạo cơ sở hạ tầng	36.438.758.419	36.438.758.419	-
	Thu khác	71.120.760	71.120.760	-
II	**Phần chi**	**29.272.455.240**	**29.181.521.540**	**(90.933.700)**
	Chi duy tu tái tạo CSHT	**25.141.231.003**	**25.050.297.303**	(90.933.700)
	- Chi phí nhân công	*14.923.136.850*	*14.923.136.850*	-
	- Chi phí nguyên vật liệu	*1.055.925.709*	*1.047.411.709*	*(8.514.000)*
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*9.092.371.981*	*9.009.952.281*	*(82.419.700)*
	- Chi phí bằng tiền khác	*69.796.463*	*69.796.463*	-
	Chi chuyển Ban quản lý	**4.131.224.237**	**4.131.224.237**	-
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**19.042.870.393**	**19.133.804.093**	-
	Số phí tích lũy đầu kỳ	11.805.446.454	11.805.446.454	
	Số chênh lệch thu - chi trong kỳ	7.237.423.939	7.328.357.639	

STT	Hạng mục	Kế hoạch năm 2020 (KH)	Thực hiện năm 2020 (TT)	Chênh lệch (TT-KH)	Tỷ lệ (TH/KH)
I	**Phần thu**	**37.585.847.945**	**36.509.879.179**	**(1.075.968.766)**	**-3%**
	Phí duy tu	37.585.847.945	36.438.758.419	(1.147.089.526)	-3%
	Thu khác		71.120.760	71.120.760	
II	**Phần chi**	**42.458.405.290**	**29.181.521.540**	**(13.276.883.750)**	**-31%**
	Chi duy tu tái tạo CSHT	**38.295.235.598**	**25.050.297.303**	**(13.244.938.295)**	**-35%**
	- Chi phí nhân công	*17.158.892.100*	*14.923.136.850*	*(2.235.755.250)*	*-13%*
	- Chi phí nguyên vật liệu	*2.214.427.092*	*1.047.411.709*	*(1.167.015.383)*	*-53%*
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*18.370.792.627*	*9.009.952.281*	*(9.360.840.346)*	*-51%*
	- Chi phí bằng tiền khác	*551.123.779*	*69.796.463*	*(481.327.316)*	*-87%*
	Chi chuyển Ban quản lý	**4.163.169.692**	**4.131.224.237**	**(31.945.455)**	**-1%**
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**6.932.889.109**	**19.133.804.093**		
	Số phí tích lũy đầu kỳ	11.805.446.454	11.805.446.454		
	Số chênh lệch thu - chi trong kỳ	(4.872.557.345)	7.328.357.639		

2. Nhận xét, đánh giá:

a) Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của HIPC.

- Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2019 tại Trụ sở Công ty.

b) Về phần thu:

Tổng phí duy tu phải thu năm 2020 là 36.509.879.179 đồng, giảm 1.075.968.766 đồng tương đương 3% so với số kế hoạch năm 2020 do trong năm công ty có giảm phí cho một số nhà đầu tư.

Số còn phải thu đến 31/12/2020 là 9.814.858.200 đồng (Trong đó: số còn phải thu của năm 2018: 644.056.992 đồng, năm 2019: 1.553.271.835 đồng, năm 2020: 7.617.529.373 đồng).

c) Về phần chi:

Tổng chi năm 2020 theo kiểm tra của Tổ công tác là 29.181.521.540 đồng, giảm 31% so với kế hoạch, số liệu này giảm 90.933.700 đồng so với số liệu báo cáo của đơn vị, cụ thể:

- Chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng là 25.050.297.303 đồng, giảm 13.244.938.295 đồng tương đương 35% so với kế hoạch, trong đó:

+ Chi phí nhân công 14.923.136.850 đồng giảm 13% so với kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do hoạt động kinh doanh của Công ty không đạt hiệu quả nên mức chi thưởng trong năm giảm.

+ Chi phí nguyên vật liệu 1.047.411.709 đồng, giảm 1.167.015.383 đồng tương đương 53% so với kế hoạch do Công ty sử dụng tiết tiệm, chi thực chi các nội dung cần thiết. Số liệu này giảm 8.514.000 đồng so với báo cáo của Công ty do Tổ công tác xuất toán chi phí đóng cọc tiếp địa trạm biến áp thực hiện tại trạm cấp nước khu B và TTSHCN.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài 9.009.952.281 đồng, giảm 9.360.840.346 đồng tương đương 51% so với kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2020 Công ty chưa thực hiện các hạng mục được duyệt trong dự toán năm 2020, cụ thể:

Nội dung công việc	Số tiền (VND)
Thảm BTNN dặm vá mặt đường	1.826.251.286
Sữa chữa cống ngăn triều, hệ thống chống ngập trong KCN	420.520.000
Sữa chữa một bên đường số 1	2.996.993.460
Sữa chữa nâng cấp đường số 14	1.309.500.000
Mua sắm thiết bị, dụng cụ	829.954.728
Hệ thống tưới cây tự động	700.000.000
Cải tạo cây xanh dãi phân cách giữa đường số 1 khu A, B	1.200.000.000
Tổng cộng	**9.283.219.474**

Số liệu này giảm 82.419.700 đồng so với số liệu báo cáo của đơn vị do Tổ công tác xuất toán một phần chi phí chăm sóc cây xanh thực hiện tại trạm xử lý nước thải: 32.919.700 đồng và chi phí sữa chữa cổng chào do công ty Khánh Thái làm hư: 49.500.000 đồng (theo hợp đồng công ty Khánh Thái phải bồi thường chi phí sữa chữa này).

+ Chi phí khác 69.796.463 đồng, giảm 87% so với kế hoạch do tiết kiệm chi phí chỉ thực hiện các nội dung chi cần thiết.

- **Chi chuyển Ban Quản lý trong năm 2020 là 4.131.224.237 đồng** (số nợ của năm 2019. Số còn phải chuyển tính đến 31/12/2020 là 3.279.488.267 đồng (Số tiền này đã chuyển Ban Quản lý vào ngày 22/4/2021).

Trong tổng số chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng, chi phí nhân công chiếm 59,6%, nguyên vật liệu chiếm 4,2%, dịch vụ mua ngoài chiếm 36%, chi phí khác chiếm 0,3%.

d) Phần chênh lệch thu - chi:

- Tính đến ngày 31/12/2020, chênh lệch thu - chi là 19.133.804.093 đồng, trong đó:

+ Chênh lệch thu - chi đầu kỳ là 11.805.446.454 đồng.

+ Chênh lệch thu - chi trong kỳ là 7.328.357.639 đồng.

3. Ý kiến của Tổ công tác :

Từ những nhận xét trên, Tổ công tác đề nghị lãnh đạo Ban Quản lý duyệt Thông báo Quyết toán phí duy tu năm 2020, đồng thời yêu cầu HIPC thực hiện những công việc sau:

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các nhu cầu duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng đột xuất ngoài kế hoạch đã lập, hoặc có những thay đổi lớn trong việc thực hiện kế hoạch, công ty có trách nhiệm lập kế hoạch điều chỉnh và thông báo đến Ban Quản lý để xem xét, chấp thuận, làm căn cứ thực hiện. Thông báo cho Ban Quản lý để phối hợp nghiệm thu khi hoàn tất các hạng mục duy tu, sửa chữa lớn. Ban Quản lý sẽ xem xét không duyệt các nội dung chi ngoài kế hoạch và các nội dung duy tu, sữa chữa lớn khi không có sự tham gia nghiệm thu của Ban Quản lý.

- Đối với việc thực hiện nộp phí về Ban Quản lý, đề nghị Công ty cần thực hiện đúng thời gian theo thỏa thuận với Ban Quản lý.

Trên đây là những nội dung mà Tổ công tác đã làm việc tại khu công nghiệp Hiệp Phước. Kính trình lãnh đạo Ban Quản lý xem xét và có ý kiến chỉ đạo.

NGƯỜI TRÌNH	PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Thiện Thanh	Huỳnh Phúc Nguyên Thịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2021

BIÊN BẢN
Về việc kiểm tra Quyết toán năm 2020 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước
Mã số thuế: 0305046979

- Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (phí duy tu) các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Báo cáo tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2020 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (HIPC) lập,

Tổ công tác thuộc Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý) tiến hành kiểm tra quyết toán năm 2020 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước như sau:

I. Thành phần tham dự:

1. Đại diện Ban Quản lý:

- Ông Huỳnh Phúc Nguyên Thịnh – Phó Phòng Quản lý doanh nghiệp – Tổ trưởng;
- Bà Đinh Khánh Linh – Kế toán trưởng – Thành viên;
- Ông Trần Thiện Thanh – Chuyên viên – Thành viên.

2. Đại diện Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước:

- Ông Giang Ngọc Phương - Phó Tổng Giám đốc;
- Bà Lữ Thị Thu Vân - Kế toán trưởng;
- Ông Nguyễn Thành Tín – Nhân viên Phòng Kế toán.

II. Tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2020:

1. Về số liệu kiểm tra:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục	Thực hiện năm 2020 theo DN báo cáo (BC)	Thực hiện năm 2020 theo kiểm tra (KT)	Chênh lệch (KT-BC)
I	**Phần thu**	**36.509.879.179.**	**36.509.879.179**	-
	Phí duy tu,tái tạo cơ sở hạ tầng	36.438.758.419	36.438.758.419	-

	Thu khác	71.120.760	71.120.760	-
II	**Phần chi**	**29.272.455.240**	**29.181.521.540**	**(90.933.700)**
	Chi duy tu tái tạo CSHT	**25.141.231.003**	**25.050.297.303**	(90.933.700)
	- Chi phí nhân công	*14.923.136.850*	*14.923.136.850*	-
	- Chi phí nguyên vật liệu	*1.055.925.709*	*1.047.411.709*	*(8.514.000)*
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*9.092.371.981*	*9.009.952.281*	*(82.419.700)*
	- Chi phí bằng tiền khác	*69.796.463*	*69.796.463*	-
	Chi chuyển Ban quản lý	**4.131.224.237**	**4.131.224.237**	-
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**19.042.870.393**	**19.133.804.093**	-
	Số phí tích lũy đầu kỳ	11.805.446.454	11.805.446.454	
	Số chênh lệch thu - chi trong kỳ	7.237.423.939	7.328.357.639	

STT	Hạng mục	Kế hoạch năm 2020 (KH)	Thực hiện năm 2020 (TT)	Chênh lệch (TT-KH)	Tỷ lệ (TH/KH)
I	**Phần thu**	**37.585.847.945**	**36.509.879.179**	**(1.075.968.766)**	**-3%**
	Phí duy tu	37.585.847.945	36.438.758.419	(1.147.089.526)	-3%
	Thu khác		71.120.760	71.120.760	
II	**Phần chi**	**42.458.405.290**	**29.181.521.540**	**(13.276.883.750)**	**-31%**
	Chi duy tu tái tạo CSHT	**38.295.235.598**	**25.050.297.303**	**(13.244.938.295)**	**-35%**
	- Chi phí nhân công	*17.158.892.100*	*14.923.136.850*	*(2.235.755.250)*	*-13%*
	- Chi phí nguyên vật liệu	*2.214.427.092*	*1.047.411.709*	*(1.167.015.383)*	*-53%*
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*18.370.792.627*	*9.009.952.281*	*(9.360.840.346)*	*-51%*
	- Chi phí bằng tiền khác	*551.123.779*	*69.796.463*	*(481.327.316)*	*-87%*
	Chi chuyển Ban quản lý	**4.163.169.692**	**4.131.224.237**	**(31.945.455)**	**-1%**
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**6.932.889.109**	**19.133.804.093**		
	Số phí tích lũy đầu kỳ	11.805.446.454	11.805.446.454		
	Số chênh lệch thu - chi trong kỳ	(4.872.557.345)	7.328.357.639		

2. Nhận xét, đánh giá:

a) Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của HIPC.

- Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2019 tại Trụ sở Công ty.

b) Về phần thu:

Tổng phí duy tu phải thu năm 2020 là 36.509.879.179 đồng, giảm 1.075.968.766 đồng tương đương 3% so với số kế hoạch năm 2020 do trong năm công ty có giảm phí cho một số nhà đầu tư.

Số còn phải thu đến 31/12/2020 là 9.814.858.200 đồng (Trong đó: số còn phải thu của năm 2018: 644.056.992 đồng, năm 2019: 1.553.271.835 đồng, năm 2020: 7.617.529.373 đồng).

c) Về phần chi:

Tổng chi năm 2020 theo kiểm tra của Tổ công tác là 29.181.521.540 đồng, giảm 31% so với kế hoạch, số liệu này giảm 90.933.700 đồng so với số liệu báo cáo của đơn vị, cụ thể:

- Chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng là 25.050.297.303 đồng, giảm 13.244.938.295 đồng tương đương 35% so với kế hoạch, trong đó:

+ Chi phí nhân công 14.923.136.850 đồng giảm 13% so với kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do hoạt động kinh doanh của Công ty không đạt hiệu quả nên mức chi thưởng trong năm giảm.

+ Chi phí nguyên vật liệu 1.047.411.709 đồng, giảm 1.167.015.383 đồng tương đương 53% so với kế hoạch do Công ty sử dụng tiết tiệm, chi thực chi các nội dung cần thiết. Số liệu này giảm 8.514.000 đồng so với báo cáo của Công ty do Tổ công tác xuất toán chi phí đóng cọc tiếp địa trạm biến áp thực hiện tại trạm cấp nước khu B và TTSHCN.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài 9.009.952.281 đồng, giảm 9.360.840.346 đồng tương đương 51% so với kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2020 Công ty chưa thực hiện các hạng mục được duyệt trong dự toán năm 2020, cụ thể:

Nội dung công việc	Số tiền (VND)
Thảm BTNN dặm vá mặt đường	1.826.251.286
Sữa chữa cống ngăn triều, hệ thống chống ngập trong KCN	420.520.000
Sữa chữa một bên đường số 1	2.996.993.460
Sữa chữa nâng cấp đường số 14	1.309.500.000
Mua sắm thiết bị, dụng cụ	829.954.728
Hệ thống tưới cây tự động	700.000.000
Cải tạo cây xanh dãi phân cách giữa đường số 1 khu A, B	1.200.000.000
Tổng cộng	**9.283.219.474**

Số liệu này giảm 82.419.700 đồng so với số liệu báo cáo của đơn vị do Tổ công tác xuất toán một phần chi phí chăm sóc cây xanh thực hiện tại trạm xử lý nước thải: 32.919.700 đồng và chi phí sữa chữa cổng chào do công ty Khánh

Thái làm hư: 49.500.000 đồng (theo hợp đồng công ty Khánh Thái phải bồi thường chi phí sữa chữa này).

+ Chi phí khác 69.796.463 đồng, giảm 87% so với kế hoạch do tiết kiệm chi phí chi thực hiện các nội dung chi cần thiết.

- Chi chuyển Ban Quản lý trong năm 2020 là 4.131.224.237 đồng (số nợ của năm 2019. Số còn phải chuyển tính đến 31/12/2020 là 3.279.488.267 đồng (Số tiền này đã chuyển Ban Quản lý vào ngày 22/4/2021).

Trong tổng số chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng, chi phí nhân công chiếm 59,6%, nguyên vật liệu chiếm 4,2%, dịch vụ mua ngoài chiếm 36%, chi phí khác chiếm 0,3%.

d) Phần chênh lệch thu - chi:

- Tính đến ngày 31/12/2020, chênh lệch thu - chi là 19.133.804.093 đồng, trong đó:

+ Chênh lệch thu - chi đầu kỳ là 11.805.446.454 đồng

+ Chênh lệch thu - chi trong kỳ là 7.328.357.639 đồng

3. Ý kiến của Tổ công tác :

Từ những nhận xét trên, Tổ công tác đề nghị lãnh đạo Ban Quản lý duyệt Thông báo Quyết toán phí duy tu năm 2020, đồng thời yêu cầu HIPC thực hiện những công việc sau:

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các nhu cầu duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng đột xuất ngoài kế hoạch đã lập, hoặc có những thay đổi lớn trong việc thực hiện kế hoạch, công ty có trách nhiệm lập kế hoạch điều chỉnh và thông báo đến Ban Quản lý để xem xét, chấp thuận, làm căn cứ thực hiện.

- Đối với việc thực hiện nộp phí về Ban Quản lý, đề nghị Công ty cần thực hiện đúng thời gian theo thỏa thuận với Ban Quản lý.

- Thông báo cho Ban Quản lý để phối hợp nghiệm thu khi hoàn tất các hạng mục duy tu, sửa chữa lớn.

III. Ý kiến của HIPC:

HIPC ghi nhận những ý kiến đóng góp của Tổ công tác.

Buổi làm việc về kiểm tra quyết toán năm 2020 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước kết thúc vào lúc 11 giờ, ngày 19/11/2021. Đại diện Ban Quản lý và HIPC đã đọc và thống nhất ký vào Biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản gốc có giá trị như nhau, 01 bản gửi HIPC, 01 bản lưu tại Ban Quản lý.

Đại diện Ban Quản lý	**Đại diện Công ty Cổ phần KCN Hiệp Phước**
	TỔNG GIÁM ĐỐC
Huỳnh Phúc Nguyên Thịnh	Vũ Đình Chi

Mẫu KH01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Khu công nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

Cơ quan nhận: BQL các KCN & KCN TP.HCM

ĐẾN Số: 5445
Ngày: 23-12-2021
Chuyển:

BẢNG THỰC HIỆN THU VÀ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU, TÁI TẠO CƠ SỞ HẠ TẦNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện
A	**Kế hoạch thu phí duy tu, tái tạo (dự kiến số có khả năng thu được trong năm)**	**37.585.847.945**	**36.509.879.179**
01	Số phí thu được từ các khoản còn phải thu của năm trước	-	**2.691.471.974**
	- Phí duy tu tái tạo	-	2.691.471.974
	- Thu khác		
02	Kế hoạch thu trong năm	**38.138.243.836**	**33.818.407.205**
	- Phí duy tu tái tạo	38.138.243.836	33.747.286.445
	- Thu khác		71.120.760
03	Kế hoạch giảm phí duy tu cho nhà đầu tư KCN Hiệp Phước - GĐ 2	**(552.395.891)**	
	- Phí duy tu giảm trừ cho nhà đầu tư	(552.395.891)	
B	**Kế hoạch sử dụng phí duy tu, tái tạo CSHT**	**42.458.405.290**	**29.272.455.240**
I	Số kế hoạch chuyển tới Ban quản lý trong năm nay	4.163.169.692	4.131.224.237
II	Kế hoạch sử dụng phí duy tu, tái tạo CSHT	38.295.235.598	25.141.231.003
a	*Sử dụng phí duy tu, tái tạo CSHT (chi tiết theo yếu tố chi phí):*	*38.295.235.598*	*25.141.231.003*
	1. Tiền lương, tiền công, tiền thưởng; tiền ăn và các khoản trợ cấp, phụ cấp	17.158.892.100	14.923.136.850
	2. Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, công cụ lao động, hàng hóa	2.214.427.092	1.055.925.709
	3. Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.370.792.627	9.092.371.981
	4. Chi phí nghiên cứu khoa học, công nghệ, sáng kiến cải tiến, y tế; đào tạo lao động		
	5. Chi trả lãi tiền vay		
	6. Chi phí khác	551.123.779	69.796.463
b	*Nội dung công việc duy tu, tái tạo CSHT (chi tiết theo hạng mục)*	*38.295.235.598*	*25.141.231.003*
	1. Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông, cầu	8.325.691.592	1.589.373.117
	2. Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp; trạm cấp nước dự phòng (nếu có)		
	3. Quản lý, bảo trì hệ thống thoát nước	-	
	4. Quản lý, duy tu bảo quản công trình tường rào		
	5. Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	2.020.758.257	1.719.725.536
	6. Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị dụng cụ kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường (nếu có)		
	7. Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải (không báo cáo nếu phí xử lý chất thải được thu riêng)		
	8. Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	7.725.920.338	5.479.946.055
	9. Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu	5.902.673.051	4.732.441.686
	10. Quản lý, điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	265.715.000	526.870.000
	11. Quản lý, điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	12.863.353.582	11.065.126.456
	12. Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị trạm y tế (nếu có)		
	13. Quản lý, bảo trì trạm xử lý rác công nghiệp (nếu có)		
	14. Quản lý và bảo trì thiết bị công trình hạ tầng khác (tùy vào thực tế từng KCX – KCN)	640.000.000	
	15. Các khoản khác phục vụ cho mục đích duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác sử dụng cho mục đích phục vụ chung cho doanh nghiệp trong khu	551.123.779	27.748.153
C	**Số dư tích luỹ phí duy tu, tái tạo CSHT**	**6.932.889.109**	**19.042.870.393**
	Số phí tích luỹ đầu năm	**11.805.446.454**	**11.805.446.454**
	Số phí tích lũy tăng (giảm) trong năm	**(4.872.557.345)**	**7.237.423.939**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Thành Tín	Lữ Thị Thu Vân	Vũ Đình Thi

M.S.D.N: 0305046978 CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC H. NHÀ BÈ - T.P HỒ CHÍ MINH

Khu công nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

Mẫu THU2

Cơ quan nhận: BQL các KCX & KCN TP.HCM

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU, TÁI TẠO CƠ SỞ HẠ TẦNG THEO HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC NĂM 2020

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự		Nguyên Vật liệu		Dịch vụ mua ngoài		Chi phí khác		Tổng cộng	
		A		B		C		D			
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông, cầu		-		4.950.400	8.325.691.592	1.584.422.717		-	8.325.691.592	1.589.373.117
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp, Trạm cấp nước dự phòng		-		-		-		-	-	-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống cấp thoát nước		-		-	-	-		-	-	-
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào		-		-		-		-	-	-
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng		-		-	2.020.758.257	1.719.725.536		-	2.020.758.257	1.719.725.536
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ, kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường		-		-		-		-	-	-
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải		-		-		-		-	-	-
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	5.874.847.650	4.883.215.289	835.117.960	436.664.790	1.015.954.728	132.986.816	-	27.679.160	7.725.920.338	5.479.946.055
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu		-		-	5.902.673.051	4.732.441.686		-	5.902.673.051	4.732.441.686
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC		-		-	265.715.000	526.870.000	-	-	265.715.000	526.870.000
11	Quản lý, điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	11.284.044.450	10.039.921.561	1.379.309.132	614.910.519	200.000.000	373.925.226	-	36.369.150	12.863.353.582	11.065.126.456
12	Quản lý, điều hành và bảo trì các thiết bị trạm Y tế		-	-	-		-	-	-	-	-
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác thải công nghiệp		-		-		-		-	-	-
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác		-		-	640.000.000	-		-	640.000.000	-
15	Chi phí khác		-		-		22.000.000	551.123.779	5.748.153	551.123.779	27.748.153
	Tổng cộng	**17.158.892.100**	**14.923.136.850**	**2.214.427.092**	**1.055.925.709**	**18.370.792.627**	**9.092.371.981**	**551.123.779**	**69.796.463**	**38.295.235.598**	**25.141.231.003**

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thành Tín	Lê Thị Thu Vân	Vũ Đình Thi

M.S.D.N: 0305046978 CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: 2589 /TB-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2020

THÔNG BÁO
Về việc duyệt Quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2019

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước
Mã số thuế: 0305046979

- Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (phí duy tu) các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Báo cáo tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2019 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là HIPC) lập,

- Căn cứ Biên bản ngày 15 / 7 /2020 về việc kiểm tra Quyết toán năm 2019 phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước giữa Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) và HIPC,

Ban Quản lý thông báo kết quả duyệt Quyết toán phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2019 như sau:

1. Số liệu tổng hợp: (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

Số dư năm trước chuyển sang:	-1.532.790.157 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	41.332.242.373 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	28.293.460.307 đồng
Chênh lệch thu - chi trong kỳ:	13.338.236.611 đồng
Chênh lệch thu - chi lũy kế cuối kỳ:	11.805.446.454 đồng

2. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: (Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình theo Phụ lục 2 đính kèm).

3. Nhận xét và ý kiến của Ban Quản lý:

a) Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của HIPC.

- Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

- Công ty mở tài khoản số 118000087540 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam để theo dõi, quản lý phần tích lũy phí duy tu.

- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2018 tại Trụ sở Công ty.

b) Về số liệu:

- Tổng phí duy tu phải thu năm 2019 là 41.631.696.918 đồng, bao gồm thu phí duy tu 41.332.242.373 đồng và thu khác 299.454.545 đồng. Số nợ phí duy tu còn phải thu đến 31/12/2019 là 4.300.997.599 đồng.

- Phần chi: Chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng là là 28.293.460.307 đồng, giảm 9.228.566.927 đồng, đạt 75,4% so với kế hoạch. Trong tổng số chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng, chi phí nhân công chiếm 56,44%, nguyên vật liệu chiếm 5,08%, dịch vụ mua ngoài chiếm 37,66%, chi phí khác chiếm 0,82%.

- Chi chuyển Ban Quản lý là 2.977.094.525 đồng. Số còn phải chuyển tính đến 31/12/2019 là 4.131.224.237 đồng (Số tiền này đã chuyển Ban Quản lý vào ngày 06/05/2020).

- Tính đến ngày 31/12/2019, chênh lệch thu - chi bị thâm hụt là 11.805.446.454 đồng, trong đó:

+ Chênh lệch thu - chi đầu kỳ bị thâm hụt là 1.532.790.157 đồng.

+ Chênh lệch thu - chi trong kỳ là 13.338.236.611 đồng.

c) Ý kiến của Ban Quản lý:

Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban Quản lý đề nghị HIPC thực hiện những công việc sau:

- Bổ sung nguồn thu từ tiền lãi ngân hàng phát sinh từ số dư tích lũy phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng.

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các nhu cầu duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng đột xuất ngoài kế hoạch đã lập, hoặc có những thay đổi lớn trong việc thực hiện kế hoạch, công ty có trách nhiệm lập kế hoạch điều chỉnh và thông báo đến Ban Quản lý để xem xét, chấp thuận, làm căn cứ thực hiện.

- Đối với việc thực hiện nộp phí về Ban Quản lý, đề nghị Công ty cần thực hiện đúng thời gian theo thỏa thuận với Ban Quản lý.

- Thông báo cho Ban Quản lý để phối hợp nghiệm thu khi hoàn tất các hạng mục duy tu, sửa chữa lớn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Thành viên Tổ Thu phí (sao gửi);
- Lưu: VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Đào Xuân Đức

Phụ lục 1

CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU THEO YẾU TỐ CHI PHÍ – NĂM 2019

(Kèm theo Văn bản số 2589 /TB-BQL ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Thông báo duyệt quyết toán năm 2019
I	**Tổng thu**	**41.631.696.918**
	Thu phí duy tu, tái tạo CSHT	41.332.242.373
	Thu khác	299.454.545
II	**Tổng chi**	**28.293.460.307**
1	Chi duy tu, tái tạo CSHT	25.316.365.782
	- Chi phí nhân công	14.287.761.508
	- Chi phí nguyên vật liệu	1.286.319.258
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.533.103.760
	- Chi phí bằng tiền khác	209.181.256
2	Chi chuyển Ban quản lý	2.977.094.525
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**11.805.446.454**
	Số dư đầu kỳ	-1.532.790.157
	Chênh lệch thu - chi trong kỳ	13.338.236.611

Phụ lục 2
CHI TIẾT SỬ DỤNG PHÍ DUY TU THEO HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH – NĂM 2019

(Kèm theo Văn bản số 2589/TB-BQL ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	Nguyên Vật liệu	Dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng	Tỷ lệ %
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông, cầu	-	-	2.134.702.642	-	**2.134.702.642**	8,43%
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp, Trạm cấp nước dự phòng	-	-	-	-	-	-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống cấp thoát nước	-	-	-	-	-	-
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào	-	-	-	-	-	-
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	-	-	2.063.522.221		**2.063.522.221**	8,15%
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ, kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường	-	-	-	-	-	-
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải	-	-	-	-	-	-
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	4.984.631.289	376.911.412	388.228.002	13.647.700	**5.763.418.403**	22,77%
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu	-	-	2.893.305.411	-	**2.893.305.411**	11,43%
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC	-	-	-	-	-	-
11	Quản lý, điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	9.303.130.219	909.407.846	2.053.345.484	130.007.899	**12.395.891.448**	48,96%
12	Quản lý, điều hành và bảo trì các thiết bị trạm Y tế	-	-	-	-	-	-
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác thải công nghiệp	-	-	-	-	-	-
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác	-	-	-	-	-	-
15	Chi phí khác	-	-	-	65.525.657	**65.525.657**	0,26%
	Tổng cộng	**14.287.761.508**	**1.286.319.258**	**9.533.103.760**	**209.181.256**	**25.316.365.782**	**100%**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: 4351 /TB-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2019

THÔNG BÁO
Về việc duyệt Quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2018

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước
Mã số thuế: 0305046979

- Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (phí duy tu) các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Báo cáo tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2018 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là HIPC) lập,

- Căn cứ Biên bản ngày 11/9/2019 về việc kiểm tra Quyết toán năm 2018 phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước giữa Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) và HIPC,

Ban Quản lý thông báo kết quả duyệt Quyết toán phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2018 như sau:

1. Số liệu tổng hợp: (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

Số dư năm trước chuyển sang:	-3.153.295.135 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	29.844.121.328 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	28.223.616.350 đồng
Chênh lệch thu - chi trong kỳ:	1.620.504.978 đồng
Chênh lệch thu - chi lũy kế cuối kỳ:	-1.532.790.157 đồng

2. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: (Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình theo Phụ lục 2 đính kèm).

3. Nhận xét và ý kiến của Ban Quản lý:

a) Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của HIPC.

- Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

- Công ty mở tài khoản số 118000087540 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam để theo dõi, quản lý phần tích lũy phí duy tu.

- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2017 tại Trụ sở Công ty.

b) Về số liệu:

- Tổng phí duy tu phải thu năm 2018 là 29.844.121.328 đồng, bao gồm thu phí duy tu 29.750.652.468 đồng và thu khác 93.468.860 đồng. Số nợ phí duy tu còn phải thu đến 31/12/2018 là 7.044.105.037 đồng.

- Phần chi: Chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng là 25.758.624.434 đồng, giảm 9.209.832.201 đồng, đạt 74% so với kế hoạch. Trong tổng số chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng, chi phí nhân công chiếm 69%, nguyên vật liệu chiếm 6%, dịch vụ mua ngoài chiếm 22%, chi phí khác chiếm 3%.

- - Chi chuyển Ban Quản lý là 2.464.991.916 đồng (đạt 91% so với kế hoạch). Số còn phải chuyển tính đến 31/12/2018 là 2.975.065.247 đồng (Số tiền này đã chuyển Ban Quản lý vào ngày 06/9/2019).

- Tính đến ngày 31/12/2018, chênh lệch thu - chi bị thâm hụt là 1.532.790.157 đồng, trong đó:

+ Chênh lệch thu - chi đầu kỳ bị thâm hụt là 3.153.295.135 đồng.

+ Chênh lệch thu - chi trong kỳ là 1.620.504.978 đồng.

c) Ý kiến của Ban Quản lý:

Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban Quản lý đề nghị HIPC thực hiện những công việc sau:

- Tăng cường công tác duy tu bảo dưỡng, đảm bảo cơ sở hạ tầng luôn được duy trì trong tình trạng tốt, phục vụ tốt các nhà đầu tư trong khu công nghiệp.

- Điều chỉnh giảm 31.905.000 đồng số tiền trong hạng mục dịch vụ mua ngoài.

- Nội dung chi thực hiện theo đúng hướng dẫn của Ban Quản lý tại văn bản số 2475/BQL_KCN_HCM ngày 18/11/2008 về việc hướng dẫn thực hiện việc thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghiên cứu, đề xuất lộ trình tăng phí, phục vụ mục đích duy tu bảo dưỡng, đảm bảo cơ sở hạ tầng luôn được duy trì trong tình trạng tốt, phục vụ cho các nhà đầu tư trong khu công nghiệp.

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các nhu cầu duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng đột xuất ngoài kế hoạch đã lập, hoặc có những thay đổi lớn trong việc thực hiện kế hoạch, công ty có trách nhiệm lập kế hoạch điều chỉnh và thông báo đến Ban Quản lý để xem xét, chấp thuận, làm căn cứ thực hiện.

- Lập sổ theo dõi các tài sản, trang – thiết bị đầu tưtừ nguồn phí duy tu.

- Đối với việc thực hiện nộp phí về Ban Quản lý, đề nghị Công ty cần thực hiện đúng thời gian theo thỏa thuận với Ban Quản lý.

- Thông báo cho Ban Quản lý để phối hợp nghiệm thu khi hoàn tất các hạng mục duy tu, sửa chữa lớn.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Thành viên Tổ Thu phí (sao gửi);
- Lưu: VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Đào Xuân Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

PHỤ LỤC 1: PHẦN SỐ LIỆU TỔNG HỢP.

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Thông báo duyệt quyết toán năm 2018
I	**Tổng thu**	**29.844.121.328**
	Thu phí duy tu, tái tạo CSHT	29.750.652.468
	Thu khác	93.468.860
II	**Tổng chi**	**28.223.616.350**
1	Chi duy tu, tái tạo CSHT	25.758.624.434
	- Chi phí nhân công	*17.814.308.997*
	- Chi phí nguyên vật liệu	*1.536.817.312*
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*5.736.030.648*
	- Chi phí bằng tiền khác	*671.467.477*
2	Chi chuyển Ban quản lý	2.464.991.916
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**-1.532.790.157**
	Số dư đầu kỳ	-3.153.295.135
	Chênh lệch thu - chi trong kỳ	1.620.504.978

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: 2855 /TB-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2018

THÔNG BÁO
Về việc duyệt Quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2017

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước
Mã số thuế: 0305046979

- Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (phí duy tu) các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Báo cáo tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2017 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là HIPC) lập,

- Căn cứ Biên bản ngày 29/5/2018 về việc kiểm tra Quyết toán năm 2017 phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước giữa Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) và HIPC,

Ban Quản lý thông báo kết quả duyệt Quyết toán phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2017 như sau:

1. Số liệu tổng hợp: (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

Số dư năm trước chuyển sang:	46.092.530 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	24.717.386.163 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	27.916.773.828 đồng
Chênh lệch thu - chi trong kỳ:	-3.199.387.665 đồng
Chênh lệch thu - chi lũy kế cuối kỳ:	-3.153.295.135 đồng

2. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: (Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình theo Phụ lục 2 đính kèm).

3. Nhận xét và ý kiến của Ban Quản lý:

a) Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của HIPC.

- Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

- Công ty mở tài khoản số 118000087540 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam để theo dõi, quản lý phần tích lũy phí duy tu.

Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2016 tại Trụ sở Công ty.

b) Về số liệu:

- Tổng phí duy tu phải thu năm 2017 là 24.717.386.163 đồng, bao gồm thu phí duy tu 24.649.919.163 đồng và thu khác 67.467.000 đồng. Số nợ phí duy tu còn phải thu đến 31/12/2017 là 2.477.869.927 đồng.

- Phần chi: Số chi cho hoạt động duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng là 25.364.027.504 đồng (giảm 19% so với kế hoạch). Trong tổng số chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng, chi phí nhân công chiếm 60%, nguyên vật liệu chiếm 6%, dịch vụ mua ngoài chiếm 32%, chi phí khác chiếm 2%.

- Khoản trích nộp Ban Quản lý: Chi chuyển Ban Quản lý là 2.552.746.324 đồng (đạt 100% so với kế hoạch). Số còn phải chuyển tính đến 31/12/2017 là 2.464.991.916 đồng, số tiền này đã được Công ty chuyển Ban Quản lý vào tháng 6 và tháng 7 năm 2018.

- Tính đến ngày 31/12/2017, chênh lệch thu - chi bị thâm hụt là 3.153.295.135 đồng, trong đó:

+ Chênh lệch thu - chi đầu kỳ là 46.092.530 đồng.

+ Chênh lệch thu - chi trong kỳ bị thâm hụt là 3.199.387.665đồng.

c) Ý kiến của Ban Quản lý:

Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban Quản lý đề nghị HIPC thực hiện những công việc sau:

- Điều chỉnh giảm 87.400.000 đồng số tiền trong hạng mục dịch vụ mua ngoài.

- Nội dung chi thực hiện theo đúng hướng dẫn của Ban Quản lý tại văn bản số 2475/BQL_KCN_HCM ngày 18/11/2008 về việc hướng dẫn thực hiện việc thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh.

- Rà soát các khoản chi phí hạch toán trước thuế và ghi nhận chi phí thuế VAT vào chi phí duy tu.

- Nghiên cứu, đề xuất lộ trình tăng phí, phục vụ mục đích duy tu bảo dưỡng, đảm bảo cơ sở hạ tầng luôn được duy trì trong tình trạng tốt, phục vụ cho các nhà đầu tư trong khu công nghiệp.

- Nghiên cứu, đề xuất phương hướng hoạt động của Trạm y tế khu công nghiệp Hiệp Phước nhằm đảm bảo nhu cầu khám, chữa bệnh và cấp cứu trong khu.

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các nhu cầu duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng đột xuất ngoài kế hoạch đã lập, hoặc có những thay đổi lớn trong việc thực hiện kế hoạch, công ty có trách nhiệm lập kế hoạch điều chỉnh và thông báo đến Ban Quản lý để xem xét, chấp thuận, làm căn cứ thực hiện.

- Thông báo cho Ban Quản lý để phối hợp nghiệm thu khi hoàn tất các hạng mục duy tu, sửa chữa lớn.

- Lập sổ theo dõi các tài sản, trang – thiết bị đầu tư từ nguồn phí duy tu.

- Đối với việc thực hiện nộp phí về Ban Quản lý, đề nghị Công ty cần thực hiện đúng thời gian theo thỏa thuận với Ban Quản lý.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Thành viên Tổ Thu phí (sao gửi);
- Lưu: VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Đào Xuân Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

PHỤ LỤC 1: PHẦN SỐ LIỆU TỔNG HỢP.

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Thông báo duyệt quyết toán năm 2017
I	**Tổng thu**	**24.717.386.163**
	Thu phí duy tu, tái tạo CSHT	24.649.919.163
	Thu khác	67.467.000
II	**Tổng chi**	**27.916.773.828**
1	Chi duy tu, tái tạo CSHT	25.364.027.504
	- Chi phí nhân công	*15.328.673.284*
	- Chi phí nguyên vật liệu	*1.400.119.356*
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*8.110.789.435*
	- Chi phí bằng tiền khác	*524.445.429*
2	Chi chuyển Ban quản lý	2.552.746.324
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**-3.153.295.135**
	Số dư đầu kỳ	46.092.530
	Chênh lệch thu - chi trong kỳ	-3.199.387.665

PHỤ LỤC 2: PHẦN SỐ LIỆU CHI TIẾT VỀ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	Nguyên Vật liệu	Dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng	
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông, cầu			1.703.819.753		1.703.819.753	7%
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp, Trạm cấp nước dự phòng						
3	Quản lý, bảo trì hệ thống cấp thoát nước			246.011.700		246.011.700	1%
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào						
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng			1.370.037.196	3.857.000	1.373.894.196	5%
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ, kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường						
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải						
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	5.419.787.885	614.446.239		268.097.111	6.302.331.235	25%
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu			4.740.920.786		4.740.920.786	19%
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC	8.554.780.994	740.313.922	50.000.000	113.145.500	9.458.240.416	37%
11	Quản lý, điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ						
12	Quản lý, điều hành và bảo trì các thiết bị trạm Y tế	1.354.104.405	45.359.195		56.080.341	1.455.543.941	6%
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác thải công nghiệp						
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác						
15	Chi phí khác				83.265.477	83.265.477	0%
	Tổng cộng	**15.328.673.284**	**1.400.119.356**	**8.110.789.435**	**524.445.429**	**25.364.027.504**	100%

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: 3491 /TB-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2017

THÔNG BÁO
Về việc duyệt Quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2016

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước
Mã số thuế: 0305046979

- Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng (phí duy tu) các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Báo cáo tình hình thu và sử dụng phí duy tu năm 2016 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (HIPC) lập,

- Căn cứ Biên bản ngày 31/8/2017 về việc kiểm tra Quyết toán năm 2016 và Dự toán năm 2017 phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước giữa Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) và HIPC,

Ban Quản lý thông báo kết quả duyệt Quyết toán phí duy tu khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2016 như sau:

1. Số liệu tổng hợp: (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

Số dư năm trước chuyển sang:	6.244.244.031 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	25.620.515.090 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	31.818.666.591 đồng
Chênh lệch thu - chi trong kỳ:	-6.198.151.501 đồng
Chênh lệch thu - chi lũy kế cuối kỳ:	46.092.530 đồng

2. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: (Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình theo Phụ lục 2 đính kèm).

3. Nhận xét và ý kiến của Ban Quản lý:

a) Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- HIPC mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (phải thu của khách hàng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí trả trước chờ kết chuyển), sau đó kết chuyển về tài khoản 3388 để cân đối thu chi trong hệ thống kế toán của HIPC.

- Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

- Trong năm, HIPC có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2015 tại Trụ sở HIPC.

b) Về số liệu:

- Phần thu: Số thu trong năm là 25.527.463.391 đồng, đạt 96,66% so với kế hoạch. Số còn phải thu chuyển sang năm 2017 là 601.952.238 đồng.

- Phần chi: Số chi cho hoạt động duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng là 29.660.551.466 đồng (vượt 15,25% so với kế hoạch). Trong tổng số chi duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng, chi phí nhân công chiếm 46,32%, nguyên vật liệu chiếm 4,52%, dịch vụ mua ngoài chiếm 42,17%, chi phí khác chiếm 6,99%.

- Khoản trích nộp Ban Quản lý: Năm 2016, HIPC đã nộp Ban Quản lý số tiền 2.158.115.125 đồng. Số còn phải chuyển đến Ban Quản lý tính đến 31/12/2016 là 2.552.746.324 đồng và HIPC đã thực hiện trích nộp 10% phí duy tu về Ban Quản lý vào ngày 20/02/2017.

- Phần chênh lệch thu - chi: Tính đến ngày 31/12/2016, chênh lệch thu - chi tích lũy là 46.092.624 đồng, trong đó:

Chênh lệch thu chi tính đến ngày 31/12/2015 là: 6.244.244.031 đồng.

Chênh lệch thu chi trong năm 2016 là: -6.198.151.501 đồng.

c) Ý kiến của Ban Quản lý:

Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban Quản lý đề nghị HIPC thực hiện những công việc sau:

- Điều chỉnh giảm 94 đồng chênh lệch thu chi đầu năm 2016.

- Nghiên cứu, đề xuất lộ trình tăng phí, phục vụ mục đích duy tu bảo dưỡng, đảm bảo cơ sở hạ tầng luôn được duy trì trong tình trạng tốt, phục vụ cho các nhà đầu tư trong khu công nghiệp.

- Lập sổ theo dõi các tài sản, trang – thiết bị đầu tư từ nguồn phí duy tu.

- Nghiên cứu, đề xuất phương hướng hoạt động của Trạm y tế KCN Hiệp Phước nhằm đảm bảo nhu cầu khám, chữa bệnh và cấp cứu trong KCN.

- Thông báo cho Ban Quản lý để phối hợp nghiệm thu khi hoàn tất các hạng mục duy tu, sửa chữa lớn.

- Thực hiện việc trích nộp phí về Ban Quản lý đúng thời gian theo thỏa thuận.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trưởng ban;
- KTT;
- Lưu: VT, P.QLDN.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Tấn Phước

PHỤ LỤC 1: PHẦN SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ THU VÀ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Thông báo duyệt quyết toán năm 2016
I	**Tổng thu**	**25.620.515.090**
	Thu phí duy tu, tái tạo CSHT	25.527.463.391
	Thu khác	93.051.699
II	**Tổng chi**	**31.818.666.591**
1	Chi duy tu, tái tạo CSHT	**29.660.551.466**
	- Chi phí nhân công	13.737.832.911
	- Chi phí nguyên vật liệu	1.340.844.335
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.508.141.393
	- Chi phí bằng tiền khác	2.073.732.827
2	Chi chuyển Ban quản lý	**2.158.115.125**
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**46.092.624**
	Số dư đầu kỳ	6.244.244.031
	Chênh lệch thu - chi trong kỳ	-6.198.151.501

PHỤ LỤC 2: PHẦN SỐ LIỆU CHI TIẾT VỀ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	Nguyên Vật liệu	Dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông, cầu			1.015.039.269		**1.015.039.269**
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp, Trạm cấp nước dự phòng					-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống cấp thoát nước			4.184.692.005		**4.184.692.005**
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào					-
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng			1.183.194.705		**1.183.194.705**
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ, kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường					-
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải					-
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	5.358.951.466	539.286.726			**5.898.238.192**
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ cây xanh toàn khu			5.333.803.457		**5.333.803.457**
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC					-
11	Quản lý, điều hành đội bảo vệ và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	7.037.194.913	742.635.427		366.562.112	**8.146.392.452**
12	Quản lý, điều hành và bảo trì các thiết bị trạm Y tế	1.341.686.532	58.922.182		34.036.143	**1.434.644.857**
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác thải công nghiệp					-
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác			791.411.957	1.673.134.572	**2.464.546.529**
15	Chi phí khác					-
	Tổng cộng	**13.737.832.911**	**1.340.844.335**	**12.508.141.393**	**2.073.732.827**	**29.660.551.466**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: 2752/TB-BQL-PQLDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2016

THÔNG BÁO

Về việc duyệt quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng năm 2015.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước.
Mã số thuế: 0305046979

Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết toán năm 2015 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước lập (viết tắt là Công ty);

Căn cứ Biên bản ngày 06/7/2016 về việc kiểm tra quyết toán năm 2015 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước giữa Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) và Công ty,

Ban Quản lý thông báo kết quả duyệt quyết toán thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là phí duy tu) năm 2015 như sau:

I. Số liệu tổng hợp: (chi tiết phụ lục 1 đính kèm).

Số dư năm trước chuyển sang:	3.142.422.125 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	21.628.720.260 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	18.526.898.353 đồng
Chênh lệch thu - chi trong kỳ:	3.101.821.907 đồng
Chênh lệch thu - chi lũy kế cuối kỳ:	6.244.244.031 đồng

II. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình (phụ lục 2 đính kèm).

III. Nhận xét và ý kiến của Ban Quản lý:

1. Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 1313 (Thu trước của khách hàng - phí duy tu bảo dưỡng) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 2422 (chi phí chờ kết chuyển), cuối kỳ tập hợp số liệu kết chuyển về tài khoản 3388 (Phải trả phải nộp khác - Phí duy tu bảo dưỡng) trong hệ thống kế toán của Công ty. Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu

tổ chi phí, và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.
- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2014 tại Trụ sở công ty.

2. Về số liệu:

- Phần thu: Số thu trong năm là 21.628.720.260 đồng, đạt 83,95% so với kế hoạch. Số còn phải thu chuyển sang năm 2016 là 2.438.205.049 đồng.
- Phần chi: Số chi cho hoạt động duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng là 16.824.245.570 đồng (chiếm 79,68% so với kế hoạch). Trong tổng chi phí thì nhân sự chiếm 55,32%, nguyên vật liệu chiếm 3,73%, dịch vụ mua ngoài chiếm 38,05%, chi phí bằng tiền khác chiếm 2,90%.
- Khoản trích nộp Ban Quản lý: năm 2015 Công ty đã nộp cho Ban Quản lý số tiền 1.702.652.783 đồng. Số còn phải chuyển đến Ban Quản lý tính đến 31/12/2015 là 2.158.115.125 đồng.
- Phần chênh lệch thu - chi: Tính đến ngày 31/12/2015, chênh lệch thu - chi tích lũy là 6.244.244.031 đồng, trong đó:

  Chênh lệch thu chi tính đến ngày 31/12/2014 là: 3.142.422.125 đồng.

  Chênh lệch thu chi trong năm 2015 là: 3.101.821.907 đồng.

3. Ý kiến của Ban Quản lý:

Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban Quản lý đề nghị Công ty thực hiện những công việc sau:

- Xây dựng kế hoạch thu và phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý để đôn đốc các doanh nghiệp nộp đủ và kịp thời;
- Thực hiện việc trích nộp phí về Ban Quản lý đúng thời gian theo thỏa thuận./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trưởng ban;
- KTT;
- Lưu VT, P.QLDN.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Tấn Phước

PHỤ LỤC 1: PHẦN SỐ LIỆU TỔNG HỢP.

Phần số liệu về thu và sử dụng phí duy tu:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Thông báo duyệt quyết toán năm 2015
I	**Tổng thu**	**21.628.720.260**
	Thu phí duy tu, tái tạo CSHT	21.581.151.260
	Thu khác	47.569.000
II	**Tổng chi**	**18.526.898.353**
1	Chi duy tu, tái tạo CSHT	**16.824.245.570**
	- Chi phí nhân công	9.306.756.244
	- Chi phí nguyên vật liệu	627.579.879
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.402.387.678
	- Chi phí bằng tiền khác	487.521.769
2	Chi chuyển Ban quản lý	**1.702.652.783**
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**6.244.244.031**
	Số dư đầu kỳ	3.142.422.125
	Chênh lệch thu - chi trong kỳ	3.101.821.907

PHỤ LỤC 2: PHẦN SỐ LIỆU CHI TIẾT VỀ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU.

Chi tiết sử dụng phí duy tu theo hạng mục công trình:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	N.Vật liệu	Dv mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông, cầu	-	-	2.516.847.461	-	2.516.847.461
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp; trạm cấp nước dự phòng	-	-	-	-	-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống thoát nước	-	-	-	-	-
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào	-	-	-	-	-
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	-	-	1.273.332.905	-	1.273.332.905
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường	-	-	-	-	-
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải	-	-	-	-	-
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	4.300.317.281	265.808.039	3.783.371	49.286.429	4.619.195.120
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ xanh toàn khu	-	-	2.579.769.000	-	2.579.769.000
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC	-	-	-	-	-
11	Quản lý điều hành đội bảo vệ KCX và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	4.148.714.235	334.367.117	23.667.706	414.856.111	4.921.605.169
12	Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị trạm y tế	857.724.728	27.404.723	4.987.235	23.379.229	913.495.915
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác công nghiệp	-	-	-	-	-
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác	-	-	-	-	-
15	Các khoản khác phục vụ cho mục đích duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác sử dụng cho mục đích phục vụ chung cho doanh nghiệp trong khu	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	**9.306.756.244**	**627.579.879**	**6.402.387.678**	**487.521.769**	**16.824.245.570**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: 3195 /TB-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2015

THÔNG BÁO

Về việc duyệt quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng năm 2014.

HIPC
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 753
Ngày 26 tháng 11 năm 2015

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước.
Mã số thuế: 0305046979

Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết toán năm 2014 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước lập (viết tắt là Công ty);

Căn cứ Biên bản ngày 31/8/2015 về việc kiểm tra quyết toán năm 2014 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước giữa Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) và Công ty.

Ban Quản lý thông báo kết quả duyệt quyết toán thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là phí duy tu) năm 2014 như sau:

I. Số liệu tổng hợp: (chi tiết phụ lục 1 đính kèm).

Số dư năm trước chuyển sang:	4.396.662.034 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	17.026.527.830 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	18.280.767.739 đồng
Chênh lệch thu - chi trong kỳ:	-1.254.239.909 đồng
Chênh lệch thu - chi lũy kế cuối kỳ:	3.142.422.125 đồng

II. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình (phụ lục 2 đính kèm).

III. Nhận xét và ý kiến của Ban Quản lý:

1. Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 3387 (doanh thu chưa thực hiện) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 1422 (chi phí trả trước ngắn hạn) trong hệ thống kế toán của Công ty. Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí, và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.
- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2013 tại Trụ sở công ty.

2. Về số liệu:

- Phần thu: Số thu trong năm là 17.026.527.830 đồng, đạt 73,12% so với kế hoạch. Số còn phải thu chuyển sang năm 2015 là 6.258.611.177 đồng.
- Phần chi: Số chi cho hoạt động duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng là 18.280.767.739 đồng (chiếm 81,13% so với kế hoạch). Trong tổng chi phí thì nhân sự chiếm 48,99%, nguyên vật liệu chiếm 3,41%, dịch vụ mua ngoài chiếm 44,02%, chi phí bằng tiền khác chiếm 3,58%.
- Khoản trích nộp Ban Quản lý: năm 2014 Công ty đã nộp cho Ban Quản lý số tiền 1.716.127.796 đồng. Số còn phải chuyển đến Ban Quản lý tính đến 31/12/2014 là 1.702.652.783 đồng.
- Phần chênh lệch thu - chi: Tính đến ngày 31/12/2014, chênh lệch thu - chi tích lũy là 3.142.422.125 đồng, trong đó:

  Chênh lệch thu chi tính đến ngày 31/12/2013 là: 4.396.662.034 đồng.

  Chênh lệch thu chi trong năm 2014 là: -1.254.239.909 đồng.

3. Ý kiến của Ban Quản lý:

Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban Quản lý đề nghị Công ty thực hiện những công việc sau:

- Xây dựng kế hoạch thu và phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý để đôn đốc các doanh nghiệp nộp đủ và kịp thời;
- Thực hiện việc trích nộp phí về Ban Quản lý đúng thời gian theo thỏa thuận./.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Tấn Phước

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trưởng ban;
- KTT;
- Lưu VT, P.QLDN.

PHỤ LỤC 1: PHẦN SỐ LIỆU TỔNG HỢP.

Phần số liệu về thu và sử dụng phí duy tu:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Thông báo duyệt quyết toán năm 2014
I	**Tổng thu**	**17.026.527.830**
	Thu phí duy tu, tái tạo CSHT	17.026.527.830
	Thu khác	0
II	**Tổng chi**	**18.280.767.739**
1	Chi duy tu, tái tạo CSHT	**16.564.639.943**
	- Chi phí nhân công	8.115.245.122
	- Chi phí nguyên vật liệu	565.200.534
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.291.123.272
	- Chi phí bằng tiền khác	593.071.015
2	Chi chuyển Ban quản lý	**1.716.127.796**
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**3.142.422.125**
	Số dư đầu kỳ	4.396.662.034
	Chênh lệch thu - chi trong kỳ	-1.254.239.909
IV	**Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**	**400.210.118**

PHỤ LỤC 2: PHẦN SỐ LIỆU CHI TIẾT VỀ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU.

Chi tiết sử dụng phí duy tu theo hạng mục công trình:

Đơn vị tính: VND

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	N.Vật liệu	Dv mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông, cầu	-	-	2.318.519.764	-	2.318.519.764
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp; trạm cấp nước dự phòng	-	-	-	-	-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống thoát nước	-	-	-	-	-
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào	-	-	-	-	-
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	-	-	1.077.417.235	-	1.077.417.235
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường	-	-	-	-	-
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải	-	-	-	-	-
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	2.212.754.606	216.760.086	158.088.049	67.332.790	2.654.935.531
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ xanh toàn khu	-	-	3.462.324.000	-	3.462.324.000
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC	-	-	-	-	-
11	Quản lý điều hành đội bảo vệ KCX và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	4.884.476.266	348.066.477	235.213.221	225.767.141	5.693.523.105
12	Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị trạm y tế	1.018.014.250	373.971	39.561.003	-	1.057.949.224
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác công nghiệp	-	-	-	-	-
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác	-	-	-	-	-
15	Các khoản khác phục vụ cho mục đích duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác sử dụng cho mục đích phục vụ chung cho doanh nghiệp trong khu	-	-	-	299.971.084	299.971.084
	Tổng cộng	**8.115.245.122**	**565.200.534**	**7.291.123.272**	**593.071.015**	**16.564.639.943**

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3689 /TB-BQL-PQLDN	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2014*

THÔNG BÁO

Về việc duyệt quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng năm 2013.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước.
Mã số thuế: 0305046979

Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết toán năm 2013 và Kế hoạch thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2014 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước lập (viết tắt là Công ty);

Căn cứ Biên bản ngày 10/11/2014 về việc kiểm tra quyết toán năm 2013 và thẩm tra dự toán năm 2014 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước giữa Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) và Công ty,

Ban Quản lý thông báo kết quả duyệt quyết toán thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là phí duy tu) năm 2013 như sau:

I. Số liệu tổng hợp: (chi tiết phụ lục 1 đính kèm).

Số dư năm trước chuyển sang:	4.946.128.182 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	16.273.837.150 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	16.823.303.298 đồng
Chênh lệch thu - chi trong kỳ:	-549.466.148 đồng
Chênh lệch thu - chi lũy kế cuối kỳ:	4.396.662.034 đồng

II. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình (phụ lục 2 đính kèm).

III. Nhận xét và ý kiến của Ban Quản lý:

1. Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 3387 (doanh thu chưa thực hiện) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 1422 (chi phí trả trước ngắn hạn) trong hệ thống kế toán của Công ty. Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí, và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.
- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2012 tại Trụ sở công ty.

2. Về số liệu:

- Phần thu: Số thu trong năm là 16.273.837.150 đồng, đạt 77,03% so với kế hoạch. Số còn phải thu chuyển sang năm 2014 là 1.712.578.336 đồng.
- Phần chi: Số chi cho hoạt động duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng là 15.723.303.298 đồng (chiếm 75,89% so với kế hoạch). Trong tổng chi phí thì nhân sự chiếm 49,14%, nguyên vật liệu chiếm 4,18%, dịch vụ mua ngoài chiếm 40,36%, chi phí bằng tiền khác chiếm 6,32%.
- Khoản trích nộp Ban Quản lý: năm 2013 Công ty đã nộp cho Ban Quản lý số tiền 1.100.000.000 đồng. Số còn phải chuyển đến Ban Quản lý tính đến 31/12/2013 là 1.716.127.796 đồng.
- Phần chênh lệch thu - chi: Tính đến ngày 31/12/2013, chênh lệch thu - chi tích lũy là 4.396.662.034 đồng, trong đó:

  Chênh lệch thu chi tính đến ngày 31/12/2012 là: 4.946.128.182 đồng.

  Chênh lệch thu chi trong năm 2013 là: -549.466.148 đồng.

3. Ý kiến của Ban Quản lý:

Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban Quản lý đề nghị Công ty thực hiện những công việc sau:

- Xây dựng kế hoạch thu và phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý để đôn đốc các doanh nghiệp nộp đủ và kịp thời;
- Xây dựng quy chế hoạt động của Trạm y tế (phương án sử dụng nguồn thu và chi), đề xuất phương án hoạt động của Trạm y tế để sử dụng hiệu quả phí duy tu. Đối với hoạt động của Trạm y tế, đề nghị Công ty phải báo cáo với Sở Y tế và thực hiện các thủ tục đăng ký theo quy định;
- Thực hiện việc trích nộp phí về Ban Quản lý đúng thời gian theo thỏa thuận./.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Tấn Phước

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trưởng ban;
- KTT;
- Lưu VT, P.QLDN.

PHỤ LỤC 1: PHẦN SỐ LIỆU TỔNG HỢP.

Phần số liệu về thu và sử dụng phí duy tu:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Thông báo duyệt quyết toán năm 2013
I	**Tổng thu**	**16.273.837.150**
	Thu phí duy tu, tái tạo CSHT	16.273.837.150
	Thu khác	-
II	**Tổng chi**	**16.823.303.298**
1	Chi duy tu, tái tạo CSHT	**15.723.303.298**
	- Chi phí nhân công	7.726.657.740
	- Chi phí nguyên vật liệu	657.978.033
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.345.587.982
	- Chi phí bằng tiền khác	993.079.543
2	Chi chuyển Ban quản lý	**1.100.000.000**
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**4.396.662.034**
	Số dư đầu kỳ	4.946.128.182
	Chênh lệch thu - chi trong kỳ	(549.466.148)
IV	**Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**	**400.210.118**

PHỤ LỤC 2: PHẦN SỐ LIỆU CHI TIẾT VỀ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU.

Chi tiết sử dụng phí duy tu theo hạng mục công trình:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	N.Vật liệu	Dv mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông, cầu	-	-	1.653.321.530	-	1.653.321.530
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp; trạm cấp nước dự phòng	-	-	-	-	-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống thoát nước	-	-	-	-	-
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào	-	-	-	-	-
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	-	-	295.053.852	-	295.053.852
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường	-	-	-	-	-
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải	-	-	-	-	-
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	2.032.738.140	392.244.564	1.394.052.499	366.984.802	4.186.020.005
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ xanh toàn khu	-	-	2.677.365.000	-	2.677.365.000
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC	-	-	-	-	-
11	Quản lý điều hành đội bảo vệ KCX và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	4.697.351.557	265.733.469	352.674.214	466.446.021	5.782.205.261
12	Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị trạm y tế	996.568.043	-	(26.879.113)	-	969.688.930
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác công nghiệp	-	-		-	
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác	-	-	-	-	-
15	Các khoản khác phục vụ cho mục đích duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác sử dụng cho mục đích phục vụ chung cho doanh nghiệp trong khu	-	-	-	159.648.720	159.648.720
	Tổng cộng	**7.726.657.740**	**657.978.033**	**6.345.587.982**	**993.079.543**	**15.723.303.298**

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3468 /TB-BQL-PQLDN	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2013*

THÔNG BÁO

Về việc duyệt quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng năm 2012.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước.
Mã số thuế: 0305046979

Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết toán năm 2012 và Kế hoạch thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2013 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước lập (viết tắt là Công ty);

Căn cứ Biên bản ngày 19/12/2013 về việc kiểm tra quyết toán năm 2012 và thẩm tra dự toán năm 2013 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước giữa Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban quản lý) và Công ty,

Ban quản lý thông báo kết quả duyệt quyết toán thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là phí duy tu) năm 2012 như sau:

I. Số liệu tổng hợp: (chi tiết phụ lục 1 đính kèm).

Số dư năm trước chuyển sang:	5.335.807.816 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	16.658.751.853 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	17.048.431.487 đồng
Chênh lệch thu - chi trong kỳ:	-389.679.634 đồng
Chênh lệch thu - chi lũy kế cuối kỳ:	4.946.128.182 đồng

II. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình (phụ lục 2 đính kèm).

III. Nhận xét và ý kiến của Ban quản lý:

1. Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 3387 (doanh thu chưa thực hiện) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 1422 (chi phí trả trước ngắn hạn) trong hệ thống kế toán của Công ty. Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí, và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.
- Trong năm, Công ty có thực hiện niêm yết công khai quyết toán năm 2011 tại Trụ sở công ty.

2. Về số liệu:

- Phần thu: Số thu trong năm là 16.658.751.853 đồng, đạt 82,53% so với kế hoạch. Số còn phải thu chuyển sang năm 2013 là 3.526.337.207 đồng.
- Phần chi: Số chi cho hoạt động duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng là 15.248.431.487 đồng (chiếm 71,8% so với kế hoạch), giảm 345.254.312 đồng so với số báo cáo của Công ty là do loại trừ các khoản chi không đúng mục đích duy tu, tái tạo, cụ thể: chi tiền ăn ca đêm tháng 4/2012 (1.120.000 đồng), chi phí thi công hạng mục "Sửa chữa Đình Long Thành" (104.134.312 đồng) và phí khoán quản lý cầu Đồng Điền tháng 7, 8, 9 năm 2012 (240.000.000 đồng). Trong tổng chi phí thì nhân sự chiếm 50,29%, nguyên vật liệu chiếm 3,76%, dịch vụ mua ngoài chiếm 42,61%, chi phí bằng tiền khác chiếm 3,34%.
- Khoản trích nộp Ban quản lý: năm 2012 Công ty đã nộp cho Ban quản lý số tiền 1.800.000.000 đồng. Số còn phải chuyển đến Ban quản lý tính đến ngày 31/12/2012 là 1.188.744.081 đồng.
- Phần chênh lệch thu - chi: Tính đến ngày 31/12/2012, số chênh lệch thu chi tích lũy là 4.946.128.182 đồng, trong đó:

  Chênh lệch thu chi tính đến ngày 31/12/2011 là: 5.335.807.816 đồng.

  Chênh lệch thu chi trong năm 2012 là: -389.679.634 đồng.

3. Ý kiến của Ban quản lý:

Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban quản lý đề nghị Công ty thực hiện những công việc sau:

- Điều chỉnh giảm: số tiền 1.120.000 đồng (chi tiền ăn ca đêm tháng 4/2012) trong hạng mục chi phí nguyên vật liệu và số tiền 344.134.312 đồng (chi phí thi công hạng mục "Sửa chữa Đình Long Thành" (104.134.312 đồng), và phí khoán quản lý cầu Đồng Điền tháng 7, 8, 9 năm 2012 (240.000.000 đồng)) trong hạng mục chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Xây dựng quy chế hoạt động của Trạm y tế (phương án sử dụng nguồn thu và chi), đề xuất phương án hoạt động của Trạm y tế để sử dụng hiệu quả phí duy tu. Đối với hoạt động của Trạm y tế, đề nghị Công ty phải báo cáo với Sở Y tế và thực hiện các thủ tục đăng ký theo quy định;
- Thực hiện việc trích nộp phí về Ban quản lý đúng thời gian theo thỏa thuận.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ô. Phước - Phó ban;
- KTT;
- Lưu VP, P.QLDN.

TRƯỞNG BAN

Vũ Văn Hòa

PHỤ LỤC 1: PHẦN SỐ LIỆU TỔNG HỢP.

Phần số liệu về thu và sử dụng phí duy tu:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Thông báo duyệt quyết toán năm 2012
I	**Tổng thu**	**16.658.751.853**
	Thu phí duy tu, tái tạo CSHT	16.649.017.342
	Thu khác	9.734.511
II	**Tổng chi**	**17.048.431.487**
1	Chi duy tu, tái tạo CSHT	**15.248.431.487**
	- Chi phí nhân công	7.666.984.650
	- Chi phí nguyên vật liệu	574.881.391
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.497.327.510
	- Chi phí bằng tiền khác	509.237.936
2	Chi chuyển Ban quản lý	**1.800.000.000**
III	**Chênh lệch thu - chi cuối kỳ**	**4.946.128.182**
	Số dư đầu kỳ	5.335.807.816
	Chênh lệch thu - chi trong kỳ	(389.679.634)
IV	**Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**	**400.210.118**

PHỤ LỤC 2: PHẦN SỐ LIỆU CHI TIẾT VỀ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU.

Chi tiết sử dụng phí duy tu theo hạng mục công trình:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	N.Vật liệu	Dv mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông, cầu	-	-	1.360.817.768	-	1.360.817.768
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp; trạm cấp nước dự phòng	-	-	-	-	-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống thoát nước	-	-	71.618.110	-	71.618.110
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào	-	-	-	-	-
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	-	-	147.226.197	-	147.226.197
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường	-	-	-	-	-
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải	-	-	-	-	-
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	2.027.663.053	191.790.360	855.994.634	155.023.996	3.230.472.043
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ xanh toàn khu	-	-	3.752.310.000	-	3.752.310.000
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC	-	-	-	-	-
11	Quản lý điều hành đội bảo vệ KCX và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	4.712.988.019	430.351.649	309.360.801	107.670.996	5.560.371.465
12	Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị trạm y tế	926.333.578	(47.260.618)	-	-	879.072.960
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác công nghiệp	-	-		-	
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác	-	-	-	-	-
15	Các khoản khác phục vụ cho mục đích duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác sử dụng cho mục đích phục vụ chung cho doanh nghiệp trong khu	-	-	-	246.542.944	246.542.944
	Tổng cộng	**7.666.984.650**	**574.881.391**	**6.497.327.510**	**509.237.936**	**15.248.431.487**

BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 2575 /TB_BQL_KCN_HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2012

THÔNG BÁO

Về việc duyệt quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng năm 2011.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước.
Mã số thuế: 0305046979

- *Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh;*
- *Căn cứ Quyết toán năm 2011 và Kế hoạch thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2012 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước lập;*
- *Căn cứ Biên bản ngày 24/9/2012 về việc kiểm tra quyết toán năm 2011 và thẩm tra dự toán năm 2012 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước giữa Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban quản lý) và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước lập.*

Ban quản lý thông báo kết quả duyệt quyết toán thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước (viết tắt là phí duy tu) năm 2011 như sau:

I. Số liệu tổng hợp: (chi tiết phụ lục 1 đính kèm).

Số dư năm trước chuyển sang:	871.313.252 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	19.491.971.857 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	15.027.477.293 đồng
Chênh lệch thu - chi trong kỳ:	4.464.494.564 đồng
Chênh lệch thu - chi lũy kế cuối kỳ:	5.335.807.816 đồng

II. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình (phụ lục 2 đính kèm).

III. Nhận xét và ý kiến của Ban quản lý:

1. Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 3387 (doanh thu chưa thực hiện) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 1422 (chi phí trả trước ngắn hạn) trong hệ thống kế toán của Công ty. Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí, và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Công ty đã thực hiện mở tài khoản tích lũy phí để theo dõi, quản lý phần tích lũy phí duy tu theo quy định.
- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.
- Công ty chưa thực hiện niêm yết công khai quyết toán phí duy tu năm 2010 theo quy định.

2. Về số liệu:

2.1. Phần thu:

- Số thu trong năm là 19.491.971.857 đồng, đạt 91% so với kế hoạch.
- Số còn phải thu chuyển sang năm 2012 là 1.796.458.728 đồng.

2.2. Phần chi:

- Số chi cho hoạt động duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng là 14.027.477.293 đồng, chiếm 84,07% so với kế hoạch. Trong tổng chi phí thì nhân sự chiếm 48,65%, nguyên vật liệu chiếm 3,71%, dịch vụ mua ngoài chiếm 39,60%, chi phí bằng tiền khác chiếm 8,03%.
- Khoản trích nộp Ban quản lý: năm 2011 Công ty đã nộp cho Ban quản lý số tiền 1.000.000.000 đồng. Số còn phải chuyển đến Ban quản lý tính đến ngày 31/12/2011 là 1.323.842.346 đồng.

2.3. Phần chênh lệch thu – chi:

- Tính đến ngày 31/12/2011, số chênh lệch thu chi là 5.335.807.816 đồng.

3. Ý kiến của Ban quản lý: Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban quản lý đề nghị Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước thực hiện những công việc sau:

- Niêm yết công khai quyết toán phí duy tu năm 2010 và năm 2011 theo quy định;
- Thực hiện việc nộp phí về Ban quản lý đúng thời gian theo thỏa thuận.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trưởng Ban quản lý (để báo cáo);
- KTT;
- Lưu VP, P.QLDN.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Tấn Phước

PHỤ LỤC 1: PHẦN SỐ LIỆU TỔNG HỢP.

Phần số liệu về thu và sử dụng phí duy tu:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Thông báo duyệt quyết toán năm 2011
I	**Tổng thu**	**19.491.971.857**
	Thu phí duy tu, tái tạo CSHT	19.348.289.658
	Thu khác	143.682.199
II	**Tổng chi**	**15.027.477.293**
1	Chi duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng	**14.027.477.293**
	- Chi phí nhân công	6.824.408.808
	- Chi phí nguyên vật liệu	520.958.743
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.555.249.029
	- Chi phí bằng tiền khác	1.126.860.713
2	Chi chuyển Ban quản lý	**1.000.000.000**
III	**Chênh lệch thu – chi cuối kỳ**	**5.335.807.816**
	Số dư đầu kỳ	871.313.252
	Chênh lệch thu - chi trong kỳ	4.464.494.564
IV	**Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**	**400.210.118**

PHỤ LỤC 2: PHẦN SỐ LIỆU CHI TIẾT VỀ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU.

Chi tiết sử dụng phí duy tu theo hạng mục công trình:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	N.Vật liệu	Dv mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông, cầu	-	-	989.525.559	-	**989.525.559**
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp; trạm cấp nước dự phòng	-	-	-	-	-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống thoát nước	-	-	59.238.520	-	**59.238.520**
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào	-	-	-	-	-
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng	-	-	108.190.300	-	**108.190.300**
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường	-	-	-	-	-
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải	-	-	-	-	-
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	2.119.732.509	186.415.235	554.503.002	328.170.536	**3.188.821.282**
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ xanh toàn khu	-	-	3.529.815.680	-	**3.529.815.680**
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC	-	93.763.854	-	-	**93.763.854**
11	Quản lý điều hành đội bảo vệ KCX và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	4.704.676.299	240.779.654	173.400.888	531.697.727	**5.650.554.568**
12	Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị trạm y tế	-	-	-	-	-
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác công nghiệp	-	-	9.059.000	-	**9.059.000**
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác	-	-	-	-	-
15	Các khoản khác phục vụ cho mục đích duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác sử dụng cho mục đích phục vụ chung cho doanh nghiệp trong khu	-	-	131.516.080	266.992.450	**398.508.530**
	Tổng cộng	**6.824.408.808**	**520.958.743**	**5.555.249.029**	**1.126.860.713**	**14.027.477.293**

BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 3318 /TB_BQL_KCN_HCM

CỘNG HÒA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2011

CTY CỔ PHẦN KCN HIỆP PHƯỚC
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 667
Lúc: 9 giờ 50
Ngày 14 tháng 12 năm 2011

THÔNG BÁO

Về việc duyệt quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng năm 2010.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước.
Mã số thuế: 0305046979

- *Căn cứ vào Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh;*
- *Căn cứ Quyết toán năm 2010 và Kế hoạch thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước năm 2011 do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước lập;*
- *Căn cứ Biên bản ngày 26/05/2010 về việc kiểm tra quyết toán năm 2010 phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước giữa Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ban quản lý) và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước lập.*

Ban Quản lý thông báo kết quả duyệt quyết toán thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước (gọi tắt là phí duy tu) năm 2010 như sau:

I. Số liệu tổng hợp: (chi tiết phụ lục 1 đính kèm).

Số dư năm trước chuyển sang:	-87.548.390 đồng
Tổng số thu trong kỳ:	17.307.452.252 đồng
Tổng số chi trong kỳ:	16.348.590.610 đồng
Chênh lệch thu – chi trong kỳ:	958.861.642 đồng
Chênh lệch thu – chi lũy kế cuối kỳ:	871.313.252 đồng

II. Số liệu chi tiết về sử dụng phí duy tu: Chi tiết về sử dụng phí duy tu theo từng hạng mục công trình (phụ lục 2 đính kèm).

III. Nhận xét và ý kiến của Ban quản lý:

1. Về hình thức sổ sách, chứng từ kế toán:

– Công ty mở sổ kế toán theo dõi phần thu và phần chi phí duy tu theo quy định. Phần thu được thể hiện trên tài khoản 3387 (doanh thu chưa thực hiện) và phần chi được thể hiện trên tài khoản 1422 (chi phí trả trước ngắn hạn) trong hệ thống kế toán của Công ty. Báo cáo phí duy tu được ghi chép theo các yếu tố chi phí, và theo từng hạng mục công trình. Báo cáo phí duy tu được kiểm toán riêng theo quy định.

- Công ty chưa thực hiện mở tài khoản tích lũy phí để theo dõi, quản lý phần tích lũy phí duy tu theo quy định.
- Chứng từ kế toán đầy đủ và hợp lệ.

2. Về số liệu:

2.1. Phần thu:

- Số thu trong năm là 17.307.452.252 đồng, đạt 95,89% so với kế hoạch.
- Số còn phải thu chuyển sang năm 2011 là 1.961.696.927 đồng.

2.2. Phần chi:

- Số chi cho hoạt động duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng là 14.691.404.618 đồng, chiếm 76,9% so với kế hoạch. Trong tổng chi phí thì nhân sự chiếm 51,41%, nguyên vật liệu chiếm 4,76%, dịch vụ mua ngoài chiếm 38,39%, chi phí bằng tiền khác chiếm 5,44%.
- Khoản trích nộp Ban quản lý: năm 2010 Công ty đã nộp cho Ban quản lý số tiền 1.657.185.992 đồng. Số còn phải chuyển đến Ban quản lý tính đến ngày 31/12/2010 là 391.168.980 đồng.

2.3. Phần chênh lệch thu – chi:

- Tính đến ngày 31/12/2010, số chênh lệch thu chi là 871.313.252 đồng.

3. Ý kiến của Ban quản lý: Nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng phục vụ hạ tầng cơ sở cho các nhà đầu tư và sử dụng hiệu quả phí duy tu, Ban quản lý đề nghị Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước thực hiện những công việc sau:

- Ghi giảm các khoản chi không đúng với mục đích duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng và ghi nhận các chi phí này vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Ghi nhận chi phí duy tu sau thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo hướng dẫn của Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài chính và điều chỉnh giảm thuế GTGT đã kê khai, đồng thời ghi nhận vào chi phí duy tu năm 2011;
- Mở tài khoản tích lũy phí tại ngân hàng thương mại để theo dõi, quản lý phần tích lũy phí duy tu theo quy định.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trưởng Ban quản lý (để báo cáo);
- KTT;
- Lưu VP, P.QLDN.

Nguyễn Tấn Phước

PHỤ LỤC 1: PHẦN SỐ LIỆU TỔNG HỢP.

Phần số liệu về thu và sử dụng phí duy tu:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Thông báo duyệt quyết toán năm 2010
I	**Tổng thu**	**17.307.452.252**
	Thu phí duy tu, tái tạo CSHT	17.188.028.820
	Thu khác	119.423.432
II	**Tổng chi**	**16.348.590.610**
1	Chi duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng:	**14.691.404.618**
	- Chi phí nhân công	7.553.195.558
	- Chi phí nguyên vật liệu	698.619.567
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.639.697.639
	- Chi phí bằng tiền khác	799.891.854
2	Chi chuyển Ban quản lý	**1.657.185.992**
III	**Chênh lệch thu – chi cuối kỳ**	**871.313.252**
	Số dư đầu kỳ	-87.548.390
	Chênh lệch thu - chi trong kỳ	958.861.642
IV	**Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**	**400.210.118**

PHỤ LỤC 2: PHẦN SỐ LIỆU CHI TIẾT VỀ SỬ DỤNG PHÍ DUY TU.

Chi tiết sử dụng phí duy tu theo hạng mục công trình:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Nhân sự	N.Vật liệu	Dv mua ngoài	Chi phí khác	Tổng cộng
1	Quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông, cầu			2.250.248.478		**2.250.248.478**
2	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống cấp nước và trạm bơm tăng áp; trạm cấp nước dự phòng					-
3	Quản lý, bảo trì hệ thống thoát nước			17.738.881		**17.738.881**
4	Quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình tường rào					-
5	Quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống chiếu sáng			169.360.577		**169.360.577**
6	Quản lý, vận hành và bảo trì các thiết bị dụng cụ kiểm tra phòng ngừa ô nhiễm môi trường					-
7	Quản lý, vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải					-
8	Vệ sinh môi trường: quét đường, cung cấp thùng rác, vận hành và bảo trì thiết bị quét đường	1.609.279.805	265.811.061,0	1.259.694.888	566.565.722	**3.701.351.476**
9	Quản lý, chăm sóc hệ thống thảm cỏ xanh toàn khu			1.937.496.170		**1.937.496.170**
10	Quản lý điều hành trạm PCCC và bảo trì các thiết bị đội PCCC		88.571.693			**88.571.693**
11	Quản lý điều hành đội bảo vệ KCX và bảo trì các thiết bị đội bảo vệ	5.300.401.864	123.224.747	5.158.645	233.326.132	**5.662.111.388**
12	Quản lý, vận hành và bảo trì thiết bị trạm y tế	643.513.889	15.354.544			**658.868.433**
13	Quản lý bảo trì trạm xử lý rác công nghiệp					-
14	Quản lý và bảo trì thiết bị các công trình hạ tầng khác					-
15	Các khoản khác phục vụ cho mục đích duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác sử dụng cho mục đích phục vụ chung cho doanh nghiệp trong khu		205.657.522			**205.657.522**
	Tổng cộng	**7.553.195.558**	**698.619.567**	**5.639.697.639**	**799.891.854**	**14.691.404.618**

BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số 1821 /TB_BQL_KCN_HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2009

CTY CỔ PHẦN KCN HIỆP PHƯỚC
FAX ĐẾN 235
Số:
Lúc: 10 giờ 45
Ngày 12 tháng 11 năm 2009

THÔNG BÁO

Về việc duyệt quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước từ tháng 07 năm 2007 đến tháng 07 năm 2008.

Đơn vị được thông báo: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước.

Mã số thuế: 0305046979.

- *Căn cứ Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh;*
- *Căn cứ báo cáo Quyết toán thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước lập;*
- *Căn cứ biên bản kiểm tra ngày 18/12/2008 về quyết toán phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước từ tháng 07 năm 2007 đến tháng 07 năm 2008 giữa Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ban quản lý) và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước,*

Ban quản lý thông báo kết quả duyệt quyết toán thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước (gọi tắt là phí duy tu) từ tháng 07 năm 2007 đến tháng 07 năm 2008 của đơn vị như sau:

I. Về số liệu kiểm tra:

1. Tổng số thu:
   - Số phải thu: 12.542.337.543 đồng.
   - Số đã thu: 8.965.512.742 đồng.
   - Số còn phải thu: 3.576.824.801 đồng.
2. Tổng số chi: (xem chi tiết Phụ lục) 3.609.918.296 đồng.
3. Chênh lệch thu – chi: 5.355.594.446 đồng.

II. Nhận xét và ý kiến của Ban quản lý:

1. Sổ sách, chứng từ kế toán và phương pháp hạch toán:

- Mở sổ kế toán theo dõi riêng phí duy tu.

- Khoản phải thu phí duy tu được lập sổ theo dõi riêng và hạch toán vào sổ kế toán khi doanh nghiệp nộp phí.

– Khoản thu được hạch toán vào tài khoản 3387 (doanh thu chưa thực hiện) và cuối kỳ tương ứng với chi phí trong kỳ, kết chuyển vào tài khoản 511 (doanh thu bán hàng).

– Sổ sách kế toán rõ ràng, chứng từ đầy đủ.

2. Về số liệu quyết toán:

– Phần thu: Công ty thu phí theo mức thỏa thuận trong Hợp đồng thuê đất. Năm 2007, giảm 50% mức thu cho một số doanh nghiệp do cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hiệp Phước chưa hoàn chỉnh. Tổng số tiền thu được là 8.965.512.742 đồng chiếm 71,5% số phải thu, số còn phải thu là 3.576.824.801 đồng.

– Khoản trích nộp Ban quản lý: không trích nộp do chưa có văn bản thoả thuận với Ban quản lý.

3. Ý kiến của Ban quản lý: nhằm tăng cường giám sát, đảm bảo nguồn kinh phí duy tu hạ tầng cơ sở và nâng cao chất lượng phục vụ các nhà đầu tư, Ban quản lý đề nghị Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước thực hiện những công việc sau:

– Thu và sử dụng phí duy tu được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25/06/2008 của Bộ Tài Chính.

– Chi phí hợp lý cho mục đích duy tu phải thực hiện theo văn bản hướng dẫn số 2475/BQL_KCN_HCM ngày 18/11/2008 của Ban quản lý và phải có chứng từ theo quy định của pháp luật.

– Cần khẩn trương triển khai thực hiện việc thu và phối hợp với Ban quản lý để đôn đốc các doanh nghiệp nộp đủ số phí mà doanh nghiệp còn nợ.

– Mở tài khoản (gọi là tài khoản tích luỹ phí) và chuyển số chênh lệch thu – chi 5.355.594.446 đồng vào tài khoản này tại một ngân hàng thương mại đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để theo dõi, quản lý phân tích luỹ phí.

– Đối với khoản phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng sau ngày 31/07/2008 đã xuất hóa đơn thuế Giá trị gia tăng thì không điều chỉnh thuế Giá trị gia tăng, điều chỉnh giảm doanh thu khi tính thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2008.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Tấn Phước

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trưởng ban (để báo cáo);
- Lưu VP, P.QLDN.

PHỤ LỤC: CHI PHÍ PHÍ DUY TU, TÁI TẠO CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC TỪ THÁNG 07/2007 ĐẾN 07/2008

Đính kèm theo Công văn số 1821/BQL_KCN_HCM ngày 12 tháng 11 năm 2009.

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	**Chi phí nhân công**	**2.258.639.353**
	Lương.	1.896.655.570
	Thuế thu nhập cá nhân.	57.513.310
	Bảo hiểm xã hội.	246.346.238
	Bảo hiểm y tế.	36.981.648
	Kinh phí công đoàn.	21.142.587
2	**Chi phí khác**	**471.143.935**
	Chi phí khác 6 tháng đầu năm (Điện thoại, xăng, suất ăn, văn phòng phẩm ...).	440.223.981
	Chi phí khác tháng 7 (Điện thoại, xăng, suất ăn, văn phòng phẩm ...).	30.919.954
3	**Chi phí duy tu**	**880.135.008**
	Ván khuôn thép đúc bó vỉa đường.	21.817.005
	Hàng rào dọc khu đất Hào Dương.	63.238.738
	Xử lý thoát nước mặt.	14.189.000
	Lắp đặt bảng quảng cáo chỉ đường KCN.	95.806.319
	Trải lớp nhựa thô đường RD15-8.	340.201.067
	Kho duy tu, đường và sân bãi.	177.551.234
	Mở rộng đường RD35-1.	64.499.000
	Lát đanh đường đi bộ.	46.477.598
	Hệ thống thoát nước mặt cho Trạm cấp nước.	56.355.047
	TỔNG CỘNG	**3.609.918.296**